

ĐẢNG ỦY ĐẠI HỌC CẦN THƠ



THAM LUẬN

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ ĐẠI HỌC CẦN THƠ
LẦN THỨ XIII, NHIỆM KỲ 2025 – 2030**

Cần Thơ, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

1. Nâng cao chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu lao động của vùng và quốc gia là định hướng quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước: Vai trò của Đại học Cần Thơ 1
Phạm Phương Tâm - Đảng bộ Đào tạo
2. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Định hướng và khuyến nghị đối với Đại học Cần Thơ... 6
Nguyễn Hữu Hòa - Đảng bộ Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông
3. Nâng cao vị thế học thuật của Đại học Cần Thơ thông qua công bố khoa học và cải thiện xếp hạng quốc tế 10
Trần Thanh Điện - Đảng bộ Hợp tác, Khoa học và Thông tin
4. Thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm từ nghiên cứu khoa học 16
Châu Minh Khôi - Đảng bộ Trường Nông nghiệp
5. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao phục vụ cộng đồng và tạo nguồn thu: Những đề xuất của Trường Thủy sản - Đại học Cần Thơ 20
Vũ Ngọc Út - Đảng bộ Trường Thủy sản
6. Xây dựng Đảng vững mạnh và nhân tố quan trọng trong phát triển Đại học Cần Thơ 23
Phạm văn Búa - Đảng bộ Khoa Khoa học chính trị, Xã hội và Nhân văn
7. Phát triển nhanh và mạnh nguồn lực con người và cơ sở vật chất góp phần thúc đẩy các chương trình đào tạo mới nổi của Đại học Cần Thơ: Những đề xuất 29
Trần Thanh Hùng - Đảng bộ Trường Bách khoa
8. Hội nhập trong đào tạo quốc tế góp phần nâng cao vị thế của Đại học Cần Thơ: Những định hướng và đề xuất 33
Văn Phạm Đan Thủy - Đảng bộ Hợp tác, Khoa học và Thông tin
9. Xây dựng Đại học Cần Thơ xanh và thân thiện môi trường: Những khuyến nghị 38
Nguyễn Xuân Hoàng - Đảng bộ Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên
10. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục và ứng dụng công nghệ. 41
Trịnh Quốc Lập - Đảng bộ Khoa Ngoại ngữ
11. Chiến lược phát triển nguồn thu ngoài học phí của Đại học Cần Thơ: Khuyến nghị của Đảng bộ Trường Kinh tế 44
Trương Đông Lộc - Đảng bộ Trường Kinh tế
12. Tổ chức đoàn với công tác giáo dục đạo đức và nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho sinh viên Đại học Cần Thơ 46
Nguyễn Văn Pha - Chi bộ Văn phòng Đảng và Đoàn thể; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ
13. Phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo của vùng và quốc gia: Vai trò và đóng góp của Đại học Cần Thơ 49
Trần Ngọc Hải, Nguyễn Hiếu Trung, Huỳnh Anh Huy, Trịnh Quốc Lập

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GẮN VỚI NHU CẦU LAO ĐỘNG CỦA VÙNG VÀ QUỐC GIA LÀ ĐỊNH HƯỚNG QUAN TRỌNG TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC: VAI TRÒ CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phạm Phương Tâm

Đảng bộ Đào tạo

1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

1.1. Bối cảnh thời đại

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư với các thành tựu: trí tuệ nhân tạo (AI), robot, Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, in 3D,... đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống. Những công nghệ này không chỉ làm tăng năng suất lao động mà còn thay đổi cơ cấu ngành nghề và yêu cầu kỹ năng đối với lực lượng lao động và nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC).

Những thách thức từ chủ nghĩa bảo hộ, phân chuỗi cung ứng, xung đột lợi ích giữa các siêu cường và xu hướng dân tộc chủ nghĩa cũng gây trở ngại lớn trong hợp tác quốc tế, làm nổi bật vai trò tự chủ của từng quốc gia, từng vùng trong phát triển nguồn lực nội tại.

Việt Nam đang bước vào thời kỳ phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với mục tiêu trở thành quốc gia có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Mục tiêu này muốn đạt được cần dựa vào ba trụ cột: công nghệ, hạ tầng và con người. Trong đó, con người – đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao – được xác định là yếu tố quyết định, là “nguồn vốn” quan trọng cho tăng trưởng bền vững.

Vì vậy, giáo dục đại học không thể chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà phải trở thành một hệ sinh thái đổi mới, gắn kết với doanh nghiệp, cộng đồng và Nhà nước để đào tạo nguồn nhân lực có tư duy hiện đại, kỹ năng số và khả năng thích ứng với thay đổi.

1.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao và yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng và quốc gia

Quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng yêu cầu giáo dục đại học phải đổi mới để đào tạo ra những “công dân toàn cầu” – những người không chỉ có chuyên môn cao mà còn đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế. Việt Nam đã tham gia 25 công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và cam kết thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động, trong đó có việc xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc làm. Cũng theo Quyết định số 1002/QĐ-TTg năm 2025, Việt Nam xác định rõ mục tiêu đào tạo NNLCLC để phục vụ phát triển công nghệ cao đến năm 2045, phát triển NNLCLC là nhiệm vụ cấp thiết. Quan điểm của ILO cũng cho thấy phát triển nhân lực không chỉ là đào tạo kỹ năng mà còn là tạo điều kiện để người lao động làm việc hiệu quả, hài lòng với nghề nghiệp và cuộc sống.

NNLCLC là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, có kỹ năng, tư duy sáng tạo và khả năng nghiên cứu, làm chủ công nghệ mới. Đặc biệt, các lĩnh vực khoa học – công nghệ – kỹ thuật – toán học (STEM), công nghệ số và kinh tế xanh, là các lĩnh vực

mới, rất cần lực lượng này, nên cần có chiến lược song song: thu hút nhân tài và đào tạo tại chỗ phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế.

Thực tế cho thấy>NNLCLC tại nhiều địa phương, nhất là ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), vẫn còn yếu và thiếu. Điều này khiến việc đầu tư vào đào tạo>NNLCLC trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

1.3. Cơ hội và thách thức của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

1.3.1. Cơ hội

Vùng ĐBSCL là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích hơn 4 triệu ha và dân số trên 17 triệu người – đứng thứ 4 toàn quốc. Đây là trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản và trái cây lớn nhất cả nước, đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng thủy sản xuất khẩu và 70% sản lượng trái cây.

Tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của vùng rất lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thực phẩm, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái. Theo định hướng phát triển đến năm 2045, ĐBSCL sẽ chuyển dịch từ nền nông nghiệp truyền thống sang mô hình giá trị cao, dựa trên tri thức, sinh thái và công nghệ. Tất cả những yếu tố này đang mở ra nhiều cơ hội để thúc đẩy phát triển>NNLCLC, đóng vai trò nòng cốt trong phát triển bền vững toàn vùng.

1.3.2. Thách thức

Biến đổi khí hậu, suy thoái sinh thái: Tình trạng xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi chậm: Kinh tế vùng vẫn phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp truyền thống, giá trị thấp, ít ứng dụng công nghệ cao.

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp: Tỷ lệ lao động qua đào tạo của ĐBSCL chỉ khoảng 15,3% – thấp nhất cả nước (so với mức trung bình 27,2%). Trong đó, tỷ lệ có bằng đại học (ĐH) và sau đại học (SĐH) chỉ chiếm 6,8%. Dù có 16 trường đại học trong vùng, nhưng chỉ một số ít có đào tạo sau đại học, chỉ Đại học Cần Thơ (ĐHCT) có quy mô lớn và đào tạo đủ 3 trình độ.

Bảng 1: Số lượng các loại hình cơ sở đào tạo sau trung học ở vùng ĐBSCL (2023)

Loại hình cơ sở đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học	16	6,6%
Cao đẳng	32	13,1%
Trung cấp, chuyên nghiệp	58	23,8%
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	138	56,5%
Tổng cộng	244	100%

Chảy máu chất xám và di cư lao động cũng là vấn đề báo động: Số lao động tại vùng có xu hướng giảm, nhiều người rời vùng để làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế phát triển hơn. Thu nhập thấp và thiếu cơ hội nghề nghiệp khiến tình trạng này tiếp diễn, gây khó khăn cho hoạch định và phát triển nhân lực tại chỗ.

Mất cân đối cung – cầu lao động: Kết quả khảo sát tại thành phố Cần Thơ cho thấy cung – cầu lao động chưa tương thích. Doanh nghiệp thiếu lao động có kỹ năng cao, trong khi người lao động lại thiếu định hướng và năng lực phù hợp.

2. Vai trò chiến lược của Đại học Cần Thơ trong đào tạo nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia

2.1. Vai trò đầu tàu trong đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, gắn với thế mạnh vùng

ĐHCT đóng vai trò tiên phong trong chuyển giao khoa học – công nghệ phục vụ phát triển bền vững ĐBSCL, từ nông nghiệp thông minh đến ứng phó biến đổi khí hậu. Cột mốc chuyển đổi từ "Trường" sang "Đại học Cần Thơ" đánh dấu bước phát triển quan trọng, mở ra cơ hội mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo. Hiện tại, ĐHCT đào tạo 121 chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học, 59 CTĐT trình độ thạc sĩ và 24 CTĐT trình độ tiến sĩ thuộc 19/23 lĩnh vực đào tạo của Việt Nam.

Bảng 2: Thống kê chất lượng đội ngũ giảng viên của ĐHCT (tính đến Quý 2 năm 2025)

Số lượng giảng viên toàn thời gian	Trình độ			Chức danh	
	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó Giáo sư	Giáo sư
1.100	15	444	641	181	23

Đến năm 2024, ĐHCT có quy mô là 45.681 người theo học các hình thức và các trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Định hướng trong tương lai, quy mô sẽ được nâng lên 60.000 – 70.000 người học vào năm 2030, trong đó trên 50% học các ngành STEM.

Bảng 3: Thống kê quy mô đào tạo của ĐHCT giai đoạn 2024 - 2045

Quy mô	Năm 2024	Năm 2030	Năm 2045
Số lượng người học các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ	45.681	60.000	70.000 - 80.000

Ghi chú: () Số liệu Quý 4 năm 2024, ĐHCT có 33.474 sinh viên đại học chính quy, 9.153 sinh viên đại học VLVH và ĐTTX, 2.749 học viên cao học và 305 nghiên cứu sinh.*

2.2. Cầu nối giữa khoa học – doanh nghiệp – phát triển bền vững

ĐHCT đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, viện – trường trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực phù hợp xu thế thị trường. ĐHCT đã tham gia nhiều mạng lưới đại học quốc tế, hợp tác đào tạo liên kết, trao đổi sinh viên – giảng viên, góp phần xây dựng thương hiệu nguồn nhân lực ĐBSCL chất lượng cao, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

2.3. Hợp tác và vị thế quốc tế

ĐHCT cũng liên tục mở rộng hợp tác quốc tế với nhiều đối tác trên thế giới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Theo xếp hạng QS năm 2022, ĐHCT nằm trong nhóm 501–550 đại học Châu Á, đặc biệt nhóm ngành nông nghiệp – thủy sản được xếp hạng 251–350 thế giới. Đây là minh chứng cho vai trò tiên phong của ĐHCT trong hội nhập, nâng tầm vị thế giáo dục đại học Việt Nam.

2.4. Đầu tư phát triển và kết nối phát triển

Với các nguồn vốn hợp tác, ĐHCT đã và đang xây dựng nhiều công trình nghiên cứu, giảng dạy hiện đại như khu phức hợp phòng thí nghiệm và trung tâm công nghệ cao. ĐHCT đặt mục tiêu phát triển thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức hàng đầu của vùng và quốc gia. ĐHCT cam kết tiếp tục đổi mới, đóng vai trò trung tâm kết nối đại học – doanh nghiệp – địa phương nhằm phát triển>NNLCLC, phục vụ hiệu quả cho vùng ĐBSCL và đất nước.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao – với vai trò của Đại học Cần Thơ

Trước yêu cầu phát triển thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL theo các Nghị quyết của Trung ương, ĐHCT triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động vùng và quốc gia.

3.1. Nâng cao nhận thức đội ngũ về vai trò và nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay

Nhận thức về vai trò và chất lượng đào tạo là quan điểm và yếu tố cốt lõi của ĐHCT. ĐHCT đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và giảng dạy, sử dụng nền tảng dữ liệu lớn và công nghệ số nhằm xây dựng mô hình đại học thông minh, phục vụ phát triển xã hội số.

Các CTĐT được định hướng phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL, ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, logistics, môi trường, đồng thời, chú trọng liên kết vùng và giữ chân, thu hút nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

3.2. Đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp và môi trường đào tạo

ĐHCT xác định đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy, môi trường đào tạo là giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng>NNLCLC phục vụ phát triển vùng ĐBSCL và cả nước.

Công tác xây dựng và cải tiến CTĐT được thực hiện thường xuyên, dựa trên định hướng chiến lược của Nhà trường, các chủ trương của Đảng, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đặc biệt là yêu cầu của thị trường lao động và người học.

ĐHCT chú trọng phát triển các lĩnh vực đào tạo có lợi thế cạnh tranh và phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL: Công nghiệp chế biến, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành mới phục vụ chuyển đổi số và phát triển bền vững (Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, An toàn thông tin, Truyền thông đa phương tiện, Chính sách công, Công nghệ thông tin, Kiến trúc, Công nghệ bán dẫn,...).

CTĐT được rà soát, cập nhật định kỳ để đáp ứng chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao uy tín, chất lượng và khả năng cạnh tranh của người học trên thị trường lao động.

Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực thực hành của sinh viên. Thời lượng thực hành, thực tập, học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp và địa phương được tăng cường.

Môi trường học tập được đầu tư đồng bộ, hiện đại với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện số, không gian đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp,... tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên phát triển toàn diện.

ĐHCT đẩy mạnh mở rộng các hình thức giáo dục thường xuyên linh hoạt như đào tạo từ xa, trực tuyến, xây dựng các mô hình học tập suốt đời, đào tạo theo nhu cầu xã hội và theo đơn đặt hàng nhằm tăng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cho người học thuộc mọi nhóm đối tượng, đồng thời chủ động đào tạo>NNLCLC tại chỗ cho địa phương.

3.3. Phát triển đội ngũ đủ tầm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới

Nhận thức rõ đội ngũ giảng viên và viên chức là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và uy tín của một cơ sở giáo dục đại học, ĐHCT đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên theo định hướng phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn 2030. Cử giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở các ngành còn thiếu được ưu tiên hàng đầu, song song với việc tuyển dụng và thu hút nhân sự có trình độ tiến sĩ, đặc biệt từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

ĐHCT hoàn thiện các văn bản quy định quản lý đội ngũ theo hướng minh bạch, tạo điều kiện để viên chức phát huy tối đa năng lực, học tập nâng cao trình độ và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển; chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, có chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển năng lực cá nhân.

ĐHCT tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng đội ngũ; mở rộng mời gọi các chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, chuyển giao tri thức và đồng hành trong hoạt động nghiên cứu.

3.4. Hướng nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ việc làm

Hệ thống hỗ trợ sinh viên toàn diện, từ hướng nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp, kết nối doanh nghiệp đến hỗ trợ khởi nghiệp được đầu tư xây dựng. Các lớp kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, phỏng vấn, xây dựng thương hiệu cá nhân được tổ chức định kỳ.

Ngày hội việc làm được tổ chức nhằm kết nối nhà tuyển dụng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sinh viên, đồng thời khai thác tốt dữ liệu việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến CTĐT.

3.5. Gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, địa phương và thị trường lao động

ĐHCT tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ trong – ngoài nước. Cơ chế ba bên "Nhà trường – Doanh nghiệp – Địa phương" được thiết lập nhằm xây dựng các CTĐT theo nhu cầu thực tế, tổ chức thực tập, đào tạo nghề tại chỗ và chuyển giao công nghệ.

Đặc biệt, ĐHCT đẩy mạnh thành lập hội đồng tư vấn doanh nghiệp ở đơn vị chuyên môn, góp ý cập nhật CTĐT, mời doanh nghiệp tham gia giảng dạy; đồng thời khai thác Mạng lưới Cựu sinh viên ĐHCT (hơn 300 ngàn cựu sinh viên) trong tuyển dụng, định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp cho sinh viên.

3.6. Hợp tác quốc tế trong đào tạo và bảo đảm chất lượng

ĐHCT tiếp tục duy trì quan hệ với các đối tác quốc tế, triển khai các chương trình liên kết đào tạo, thu hút sinh viên quốc tế và gửi sinh viên ra nước ngoài mỗi năm. ĐHCT chú trọng công tác bảo đảm chất lượng giáo dục ở cả cấp cơ sở và CTĐT, từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn toàn cầu; hoàn thiện hệ thống kiểm định nội bộ, tham gia các dự án quốc tế về đảm bảo chất lượng, góp phần nâng cao năng lực quản lý và cải tiến liên tục.

Đặc biệt, việc triển khai các dự án hợp tác quốc tế sẽ giúp ĐHCT cải thiện tốt hơn cơ sở hạ tầng, thiết bị và chất lượng đào tạo – là bộ phận để ĐHCT hội nhập sâu hơn vào hệ thống giáo dục đại học tiên tiến khu vực và quốc tế.

4. Kết luận

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của đất nước, của dân tộc Việt Nam, phải chuyên biến căn bản về nhận thức và hành động, giáo dục đại học nói chung và ĐHCT nói riêng có vai trò trọng yếu trong việc cung ứng>NNLCLC, thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động và đặc thù phát triển vùng và quốc gia. Việc tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường kết nối với doanh nghiệp, địa phương, quốc tế sẽ giúp ĐHCT giữ vững vai trò trung tâm tri thức, đổi mới sáng tạo và là động lực phát triển bền vững cho ĐBSCL và quốc gia. Đây là vai trò của Đảng bộ ĐHCT và các Đảng bộ, Chi bộ và toàn thể đội ngũ Đảng viên thuộc Đảng bộ ĐHCT.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: ĐỊNH HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Hữu Hòa

Đảng bộ Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông

1. Mở đầu

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số là xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học. Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số, cùng với khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, là đột phá chiến lược để phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

Năm 2025 được xem là năm bản lề, mở đầu cho giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ trong toàn ngành giáo dục đại học. Với vai trò là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, Đại học Cần Thơ (ĐHCT) có trách nhiệm tiên phong trong chuyển đổi số. Thủ tướng Chính phủ đã đặt kỳ vọng thành phố Cần Thơ cùng các cơ sở giáo dục đại học trong vùng trở thành lực lượng nòng cốt về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Báo cáo tham luận này phân tích thực trạng, nhận diện một số vấn đề đặt ra và đề xuất định hướng chiến lược cùng các khuyến nghị trọng tâm nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện tại ĐHCT, phù hợp với sứ mệnh và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

2. Thực trạng chuyển đổi số tại Đại học Cần Thơ

Trong thời gian qua, ĐHCT đã từng bước triển khai chuyển đổi số trong các lĩnh vực đào tạo, quản lý và điều hành, hướng đến xây dựng mô hình đại học thông minh.

Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tích hợp, với nhiều phân hệ phần mềm bao quát hầu hết các hoạt động quản lý như: đào tạo, sinh viên, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng... Hệ thống này góp phần số hóa quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng tính minh bạch. Song song đó, hệ thống văn phòng điện tử (e-Office) được triển khai đồng bộ, từng bước tạo lập môi trường làm việc hành chính số thống nhất. Hạ tầng công nghệ thông tin được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn và tính liên tục cho các dịch vụ số trong toàn trường.

Trong đào tạo, Nhà trường đã phát triển nền tảng E-Learning, ban hành quy định về đào tạo trực tuyến, từng bước triển khai hệ thống quản lý lớp học số (LMS), hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc quản lý học liệu, tương tác và đánh giá kết quả học tập.

Đến nay, ĐHCT đã hình thành nền tảng chuyển đổi số tương đối vững chắc: hạ tầng ổn định, hệ thống quản lý đồng bộ, đội ngũ có năng lực và nhận thức chuyển đổi số đang từng bước lan tỏa. Đây là cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục phát triển theo định hướng đại học thông minh, vận hành trên nền tảng dữ liệu tích hợp và dịch vụ số toàn diện.

3. Những vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển đổi số

Bên cạnh những kết quả bước đầu, quá trình chuyển đổi số tại ĐHCT vẫn còn một số hạn chế cần tập trung khắc phục để tiến tới xây dựng mô hình đại học số toàn diện.

Trước hết, hệ thống công nghệ thông tin còn phân mảnh, thiếu liên thông. Nhiều phân hệ phần mềm đang vận hành độc lập, chưa có kiến trúc tổng thể, dẫn đến dữ liệu bị phân tán, chưa chuẩn hóa, gây khó khăn trong khai thác, phân tích và hỗ trợ ra quyết định.

Hai là, năng lực số trong đội ngũ viên chức chưa đồng đều. Một bộ phận viên chức còn gặp khó khăn trong sử dụng hệ thống quản lý, công cụ dạy học trực tuyến và chưa chủ động ứng dụng công nghệ trong công tác chuyên môn.

Ba là, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các hạng mục trọng điểm như: phát triển nền tảng dữ liệu lớn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đào tạo, đầu tư thiết bị phục vụ dạy và học số.

Bốn là, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số chưa đồng bộ. Quy định thống nhất về quản trị, chia sẻ và bảo mật dữ liệu còn thiếu; chưa có cơ chế khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng công nghệ vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và quản lý.

Năm là, việc hợp tác với doanh nghiệp và địa phương chưa được phát huy hiệu quả. Mặc dù đã có nhiều ký kết hợp tác, phạm vi triển khai còn hẹp, thiếu chiều sâu và chưa tạo ra các mô hình phối hợp bền vững.

Những tồn tại trên cho thấy, để chuyển đổi số đạt hiệu quả, cần có định hướng chiến lược rõ ràng, lộ trình cụ thể, cơ chế đồng bộ và sự tham gia tích cực của toàn hệ thống. Chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ mà là quá trình đổi mới toàn diện về tư duy, tổ chức và phương thức vận hành của Nhà trường.

4. Định hướng chiến lược và một số khuyến nghị giai đoạn 2025–2030

Để thực hiện chuyển đổi số toàn diện, Nhà trường cần triển khai đồng bộ các định hướng chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn, gắn với xu thế phát triển giáo dục đại học hiện đại. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà còn là quá trình đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng lực đội ngũ và xây dựng văn hóa tổ chức thích ứng với môi trường số. Trên cơ sở đó, giai đoạn 2025–2030 cần tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:

Thứ nhất, phát triển hạ tầng số và nền tảng dữ liệu tích hợp

Nhà trường cần ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, an toàn và linh hoạt, làm nền tảng cho mọi hoạt động chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, xây dựng lộ trình phát triển mô hình đại học thông minh, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Từng bước triển khai *Trung tâm điều hành và giám sát tích hợp (IOC)* nhằm thu thập, phân tích, điều phối dữ liệu thời gian thực từ các hệ thống hiện có, phục vụ công tác điều hành và ra quyết định khách quan, kịp thời.

Đồng thời, Nhà trường cần nghiên cứu xây dựng mô hình *Bản sao số (Digital Twin)* đối với một số thành phần cơ sở vật chất quan trọng, như giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, ký túc xá, nhằm phục vụ công tác vận hành, giám sát và tối ưu hóa sử dụng nguồn lực.

Một nội dung trọng tâm khác là chuẩn hóa, tích hợp và quản lý tập trung dữ liệu thông qua *Kho dữ liệu dùng chung (data warehouse)*. Đây là cơ sở để ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo trong quản trị, góp phần hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu (data-driven governance), nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và năng lực ra quyết định trong toàn hệ thống.

Thứ hai, nâng cao năng lực số cho đội ngũ và tái cấu trúc quy trình quản trị

Con người là yếu tố trung tâm, quyết định thành công của chuyển đổi số. Nhà trường cần xây dựng chiến lược phát triển năng lực số cho viên chức phù hợp với thực tiễn và chuẩn hóa theo Khung năng lực số quốc gia. Mỗi viên chức cần sử dụng thành thạo công nghệ, đổi mới phương pháp làm việc, giảng dạy và thích ứng với môi trường số.

Trên cơ sở đó, Nhà trường cần xây dựng và triển khai *Đề án bồi dưỡng năng lực số giai đoạn 2025–2030* theo lộ trình cụ thể, linh hoạt về hình thức, như đào tạo trực tuyến, khóa học ngắn hạn, lớp chuyên đề hoặc hợp tác với các doanh nghiệp và đối tác quốc tế. Kỹ năng phân tích dữ liệu, vận dụng trí tuệ nhân tạo và sử dụng hiệu quả các công cụ số trong quản lý và giảng dạy cần được ưu tiên bồi dưỡng.

Về tổ chức thực hiện, cơ chế vận hành Ban Chỉ đạo chuyên đổi số cần được kiện toàn, tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, xác định các điểm nghẽn và điều chỉnh phù hợp với tình hình mới. Ban Chỉ đạo đóng vai trò điều phối thống nhất các dự án chuyển đổi số trong toàn trường, bảo đảm liên thông, tránh trùng lặp và lãng phí nguồn lực. Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ Phần mềm, Trung tâm Chuyển đổi số và Truyền thông tiếp tục giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn, tư vấn và triển khai giải pháp kỹ thuật.

Song song đó, Nhà trường cần rà soát, tinh gọn và số hóa toàn bộ quy trình quản trị nội bộ theo hướng đồng bộ, hiệu quả. Văn phòng điện tử phải được áp dụng thống nhất, thay thế văn bản giấy trong xử lý công việc. Đồng thời, Nhà trường cần có cơ chế khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong giảng dạy, quản lý và phục vụ người học, góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới trong toàn trường.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng số hóa

Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ là ứng dụng thiết bị hay phần mềm, mà là thay đổi cách dạy và cách học. Nhà trường cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sư phạm, hướng đến nâng cao hiệu quả đào tạo và nâng tầm trải nghiệm người học. Nhà trường cần hỗ trợ giảng viên xây dựng học liệu số, sử dụng hiệu quả các công cụ giảng dạy trực tuyến như bảng trắng ảo, bài giảng video, kiểm tra tương tác và phản hồi theo thời gian thực. Các phương pháp giảng dạy hiện đại như lớp học đảo ngược (flipped classroom), học tập thích ứng trên nền tảng số cần được khuyến khích triển khai.

Nhà trường cần lựa chọn một số học phần hoặc chương trình đào tạo để thí điểm mô hình lớp học thông minh, từ đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng; đồng thời, tăng cường ứng dụng các công nghệ giáo dục mới như thực tế ảo tăng cường (AR/VR) trong các học phần thí nghiệm, thực hành và mô phỏng kỹ thuật.

Tập trung xây dựng ngân hàng học liệu số dùng chung toàn trường là việc cần thiết. Song song đó, thư viện cần chuyển đổi mạnh sang *mô hình thư viện số*, tích hợp nguồn tài nguyên số với hệ thống tra cứu trực tuyến, tạo điều kiện cho giảng viên, sinh viên truy cập học liệu mọi lúc, mọi nơi.

Về kiểm tra đánh giá, Nhà trường cần từng bước mở rộng hình thức thi trực tuyến, kết hợp giữa đánh giá truyền thống và công nghệ số, có thể nghiên cứu áp dụng công nghệ giám sát thi bằng trí tuệ nhân tạo (AI proctoring) nhằm bảo đảm tính công bằng, minh bạch và hiệu quả.

Thứ tư, xây dựng mô hình đại học thông minh gắn với phục vụ cộng đồng

Mục tiêu dài hạn của chuyển đổi số tại ĐHTC là xây dựng mô hình đại học thông minh, trong đó tất cả các hoạt động được vận hành trên nền tảng dữ liệu và công nghệ. Nhà trường không chỉ hiện đại hóa nội bộ mà còn đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái số của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhà trường cần tiếp tục phát triển các dịch vụ số phục vụ người học và giảng viên, như: điểm danh thông minh, chatbot thông minh hỗ trợ học vụ, v.v. Đồng thời, việc triển khai ví

điện tử, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt đối với toàn bộ dịch vụ trong trường là rất cần thiết.

Khuôn viên Trường cần được số hóa theo mô hình *Smart Campus*, từng bước triển khai các hệ thống như: cảm biến IoT, camera giám sát thông minh, bãi đỗ xe thông minh, giám sát sử dụng điện nước, bảng thông báo điện tử,... Nhà trường cần xây dựng *Đề án phát triển Smart Campus* theo lộ trình từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực tài chính.

Mô hình đại học thông minh cần phải gắn với quản trị thông minh và phát triển bền vững. Dữ liệu cần được khai thác hiệu quả để phục vụ quản trị sử dụng năng lượng, cơ sở vật chất và môi trường. Đồng thời, Nhà trường cần triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, như sử dụng điện mặt trời, giám sát rác thải và chất lượng nước bằng cảm biến thông minh.

Bên cạnh đó, Nhà trường cần tăng cường kết nối với các chương trình chuyển đổi số cấp thành phố và vùng. Việc tham gia vào các nền tảng chung giúp mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ, bảo đảm tính liên thông và đóng góp tích cực vào xây dựng đô thị thông minh. Mô hình đại học thông minh cần được đặt trong tổng thể phát triển cộng đồng thông minh, tạo giá trị lan tỏa cho toàn xã hội.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp và đối tác trong, ngoài nước

Chuyển đổi số không thể thành công nếu chỉ dựa vào nội lực. Nhà trường cần chủ động mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, cơ quan quản lý và đối tác quốc tế nhằm hình thành hệ sinh thái số đa chiều, bảo đảm sự tham gia và đóng góp từ nhiều chủ thể liên quan.

Doanh nghiệp công nghệ cần được xác định là đối tác chiến lược trong toàn bộ lộ trình chuyển đổi số của nhà trường. Nhà trường cần tiếp tục khai thác hiệu quả các mối quan hệ hợp tác hiện có, đồng thời tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương để tranh thủ chủ trương, nguồn lực ngân sách và chính sách hỗ trợ theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở đó, các sáng kiến và dự án hợp tác theo nguyên tắc “cùng xây dựng, cùng khai thác, cùng hưởng lợi” từng bước được hình thành, tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả, bền vững và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

5. Kết luận

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và là yêu cầu cấp thiết trong quá trình hiện đại hóa giáo dục đại học. Đối với ĐHCT, đây là cơ hội để bứt phá, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị và khẳng định vị thế của đại học trọng điểm.

Những kết quả bước đầu cho thấy Nhà trường có nền tảng và quyết tâm trong triển khai chuyển đổi số. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu trở thành đại học thông minh, cần có chiến lược toàn diện, triển khai đồng bộ và huy động sự tham gia của toàn hệ thống.

Chuyển đổi số là quá trình lâu dài, đòi hỏi quyết tâm chính trị, sự chỉ đạo chặt chẽ và bố trí nguồn lực hợp lý. Với sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự đồng thuận trong toàn trường, ĐHCT có đủ điều kiện để từng bước hình thành hệ sinh thái số hoàn chỉnh, tạo nền tảng cho mô hình đại học thông minh, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ chuyển đổi số.

NÂNG CAO VỊ THẾ HỌC THUẬT CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ THÔNG QUA CÔNG BỐ KHOA HỌC VÀ CẢI THIẾN XẾP HẠNG QUỐC TẾ

Trần Thanh Điện

Đảng bộ Hợp tác, Khoa học và Thông tin

Tóm tắt

Trong giai đoạn 2020-2025, Đại học Cần Thơ được củng cố vị thế trên các bảng xếp hạng quốc tế, đặc biệt năm 2025 lần đầu vào bảng xếp hạng QS Thế giới (QS World University Rankings) thuộc nhóm 1.201-1.400, cải thiện QS Châu Á (QS Asia University Rankings) trong nhóm 521-540 và duy trì số 1 Việt Nam trong lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp, thuộc nhóm 351-400 thế giới. Trường cũng đạt hạng 1.061-1.080 thế giới, 339 châu Á và thứ 7 toàn quốc trong xếp hạng Bền vững của QS (QS Sustainability Rankings). Trong giai đoạn này, Trường thực hiện nhiều đề tài trong nước và quốc tế với nguồn kinh phí không ngừng gia tăng; công bố khoa học trên các tạp chí thuộc Scopus tăng gần 1,7 lần. Hợp tác quốc tế gắn nghiên cứu và đào tạo, cùng chính sách khen thưởng đã góp phần quan trọng nâng cao thứ hạng, uy tín học thuật của Nhà trường.

1. Giới thiệu

Đại học Cần Thơ (ĐHCT), thành lập ngày 31/3/1966, là một trong những trường đại học trọng điểm quốc gia, được Nhà nước giao sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nghiên cứu khoa học (NCKH) và đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước. Từ một cơ sở đào tạo chủ yếu phục vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, ĐHCT đã vươn lên trở thành một trong số ít đại học đa ngành hàng đầu Việt Nam, từng bước hội nhập sâu với hệ thống giáo dục đại học khu vực và thế giới.

Tính đến cuối năm 2024, Trường đào tạo 121 ngành/chuyên ngành bậc đại học, 58 ngành thạc sĩ và 22 chuyên ngành tiến sĩ, với quy mô 45.779 sinh viên bậc đại học (34.788 chính quy) và 3.054 học viên sau đại học (2.749 thạc sĩ, 305 nghiên cứu sinh). Đội ngũ giảng viên của Trường có trình độ chuyên môn cao, gồm 1.091 giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó 638 tiến sĩ, 453 thạc sĩ; đặc biệt có 24 Giáo sư và 182 Phó Giáo sư. Phần lớn giảng viên được đào tạo từ các quốc gia có nền khoa học tiên tiến, tạo nên lực lượng học thuật có trình độ cao, giàu kinh nghiệm nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Cùng với mạng lưới hợp tác rộng khắp với các trường đại học và tổ chức nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước, ĐHCT đã xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển khoa học-công nghệ, công bố quốc tế và nâng cao vị thế học thuật. Đây là cơ sở để Trường hiện thực hóa mục tiêu trở thành một trong những đại học nghiên cứu hàng đầu Việt Nam, có uy tín quốc tế, góp phần đào tạo nhân lực trình độ cao và đóng góp thiết thực vào giải quyết các vấn đề chiến lược của quốc gia, đồng thời khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục đại học toàn cầu.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong giai đoạn 5 năm (2020-2024), ĐHCT đã đẩy mạnh hoạt động NCKH gắn với đào tạo và công bố quốc tế. Toàn trường đã triển khai tổng cộng 2.554 đề tài, dự án nghiên cứu trong nước với kinh phí 266,9 tỷ đồng và 211 đề tài hợp tác quốc tế với kinh phí 187,8 tỷ đồng (Bảng 1). Hoạt động nghiên cứu trong nước có sự gia tăng cả số lượng và kinh phí qua từng năm, từ 414 đề tài (51,8 tỷ đồng) năm 2020 lên 642 đề tài (68,9 tỷ đồng) vào năm 2024. Đặc biệt, hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng và đầu tư mạnh mẽ, từ 14 đề tài (9,7 tỷ đồng) năm 2020 tăng lên 73 đề tài (60,9 tỷ đồng) vào năm 2024. Những nguồn kinh

phí này đã góp phần quan trọng trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu, đồng thời thúc đẩy chất lượng và số lượng các công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế.

Bảng 1: Kinh phí NCKH và hợp tác quốc tế của ĐHCT giai đoạn 2020-2024

Năm	Đề tài/dự án trong nước		Đề tài/dự án hợp tác quốc tế	
	Số lượng	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng	Kinh phí (tỷ đồng)
2020	414	51,8	14	9,7
2021	428	28,5	37	24,6
2022	462	49,8	40	21,9
2023	608	68,0	47	70,6
2024	642	68,9	73	60,9
Tổng	2.554	266,9	211	187,8

(Nguồn: Báo cáo thường niên ĐHCT qua các năm)

3. Thành tích xếp hạng quốc tế

Trong giai đoạn 2021-2025, ĐHCT không ngừng cải thiện vị thế trên các bảng xếp hạng quốc tế uy tín của QS. Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng khi Trường lần đầu tiên được xếp hạng thế giới trong QS (QS World University Rankings), thuộc nhóm 1.201-1.400 đại học hàng đầu thế giới, khẳng định bước tiến chiến lược trong quá trình hội nhập giáo dục toàn cầu (Bảng 2). Đồng thời, xếp hạng châu Á (QS Asia University Rankings) đã có sự cải thiện đáng kể khi vươn lên nhóm 521-540. Một chỉ số thành phần quan trọng là danh tiếng học thuật (Academic Reputation) tăng mạnh từ nhóm 251+ lên 125, cho thấy uy tín học thuật ngày càng được ghi nhận. Những nỗ lực toàn diện về đào tạo, nghiên cứu, quốc tế hóa và quản trị đại học đã góp phần củng cố vị trí của ĐHCT trong khu vực và quốc tế.

Bảng 2: Xếp hạng QS Aisa Rankings và QS World University Rankings

Năm	Xếp hạng QS Aisa Rankings	Xếp hạng QS World University Rankings	Chỉ số Danh tiếng học thuật
2021	451-500	-	251+
2022	501-550	-	251+
2023	551-600	-	251+
2024	651-700	-	251+
2025	521-540	1.201-1.400	125

(Nguồn: QS Top Universities)

Năm 2024, Trường chính thức được xếp hạng Bền vững trong QS (QS Sustainability Rankings) và giữ vị trí ổn định ở nhóm 1.061-1.080 thế giới, 339 châu Á và thứ 7 toàn quốc vào năm 2025 (Bảng 3). Đây là minh chứng rõ nét cho những nỗ lực của Trường trong việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược phát triển đại học. Cùng với đó, việc gia tăng số lượng đề tài nghiên cứu trong nước và quốc tế (Bảng 1), số bài báo quốc tế uy tín (Bảng 5) đã tạo nền tảng khoa học vững chắc để ĐHCT tiếp tục phát triển theo hướng bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng.

Bảng 3: Xếp hạng QS Sustainability Rankings

Năm	Hạng Thế giới	Hạng Châu Á	Hạng Việt Nam
2024	1.101-1.150	341	7
2025	1.061-1.080	339	7

(Nguồn: QS Top Universities)

Lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp tiếp tục là thế mạnh nổi bật của ĐHCT trong bảng xếp hạng về lĩnh vực (QS World University Rankings by Subject), khi Trường duy trì vị trí số 1 tại Việt Nam trong 5 năm qua và thuộc nhóm 351-400 thế giới (Bảng 4). Đây là kết quả của quá trình phát triển bền bỉ trong đào tạo gắn với nghiên cứu và chuyên gia công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình hợp tác quốc tế tích hợp giữa nghiên cứu và đào tạo, cùng với các chính sách hỗ trợ, khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ đã góp phần nâng cao chất lượng và tầm ảnh hưởng của lĩnh vực này. Thành tích trong nhóm ngành thế mạnh không chỉ củng cố uy tín học thuật của ĐHCT mà còn khẳng định vai trò trung tâm vùng trong phát triển nông nghiệp và phát triển bền vững quốc gia.

Bảng 4: Xếp hạng QS World University Rankings by Subject

Năm	Hạng Thế giới	Hạng Việt Nam
2021	351-400	1
2022	301-350	1
2023	351-400	1
2024	301-350	1
2025	351-400	1

(Nguồn: QS Top Universities)

4. Kết quả nổi bật trong công bố khoa học

Giai đoạn 2020-2024, hoạt động công bố khoa học quốc tế của ĐHCT tăng trưởng mạnh mẽ, thể hiện rõ nỗ lực nâng cao chất lượng nghiên cứu và hội nhập quốc tế. Số bài báo trên tạp chí Scopus tăng gần 1,7 lần (từ 452 lên 754 bài), chỉ số công bố theo đầu giảng viên tăng từ 0,42 lên 0,68 bài; chỉ số công bố WoS cũng tăng từ 0,24 lên 0,40 bài/giảng viên (Bảng 5). Những kết quả này là nhờ sự gia tăng đề tài (2.554 đề tài trong nước, 211 quốc tế), chính sách khuyến khích công bố và hợp tác nghiên cứu gắn với đào tạo. Việc gia tăng công bố quốc tế đã góp phần nâng cao vị thế học thuật của Trường. Nhờ đó, năm 2025, Trường lần đầu được xếp hạng trong QS World University Rankings, cải thiện vị trí tại QS Asia và duy trì vị trí số 1 trong nước về lĩnh vực Nông-Lâm nghiệp. Trường cũng có mặt trong QS Sustainability Rankings, khẳng định định hướng phát triển bền vững dựa trên nền tảng nghiên cứu chất lượng cao.

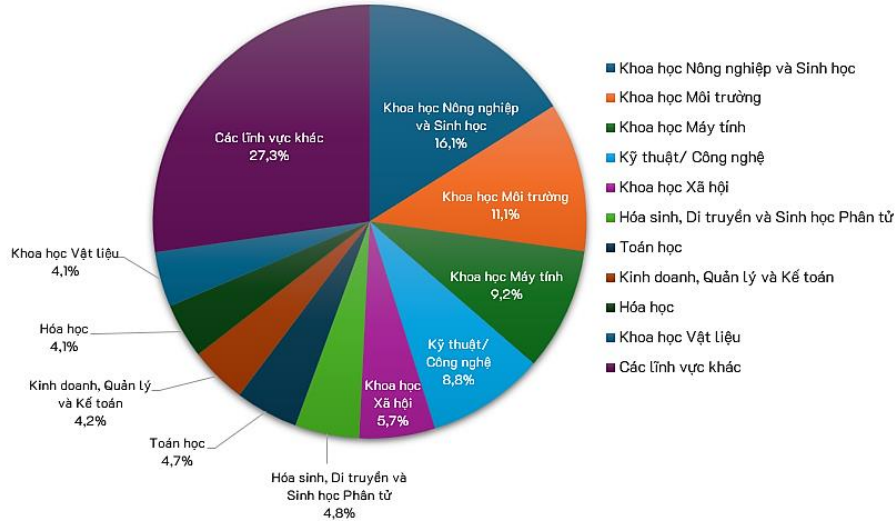
Bảng 5: Công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế, giai đoạn 2020-2024

Năm	Số giảng viên	Số bài công bố trên tạp chí quốc tế	Chỉ số công bố khoa học (tạp chí quốc tế)	Số bài trên tạp chí WoS	Chỉ số công bố khoa học (WoS)	Số bài trên tạp chí thuộc Scopus	Chỉ số công bố khoa học (Scopus)
2020	1.082	749	0,69	260	0,24	452	0,42
2021	1.084	922	0,85	348	0,32	541	0,50
2022	1.096	966	0,88	432	0,39	692	0,63
2023	1.101	928	0,84	392	0,36	683	0,62
2024	1.102	1.034	0,94	441	0,40	754	0,68

(Nguồn: Hệ thống tích hợp ĐHCT, phân hệ Khai bài báo khoa học)

Tuy nhiên, tỷ lệ bài báo Scopus của ĐHCT giai đoạn 2020-2024 cho thấy sự phân bố chưa đồng đều giữa các lĩnh vực nghiên cứu. Phần lớn công bố tập trung vào các ngành thế mạnh như Khoa học Nông nghiệp và Sinh học (16,1%), Môi trường (11,1%), Máy tính (9,2%) và Kỹ thuật-Công nghệ (8,8%), trong khi nhiều lĩnh vực khác như Khoa học Xã hội, Toán

học, Hóa học, Vật liệu chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Đặc biệt, nhóm “các lĩnh vực khác” chiếm đến 27,3% tổng số bài báo, cho thấy sự thiếu cân đối và tiềm năng chưa được khai thác đồng đều giữa các ngành/lĩnh vực. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường đầu tư và định hướng nghiên cứu cho các lĩnh vực còn ít công bố để đảm bảo sự phát triển toàn diện, cân bằng đối với một trường đa ngành như ĐHCT.



Hình 1: Tỷ lệ bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc Scopus theo lĩnh vực, giai đoạn 2020-2024

(Nguồn: Scopus, ngày truy cập: 04/8/2025).

5. Yếu tố ảnh hưởng đến xếp hạng và đề xuất giải pháp trong thời gian tới

Trong bối cảnh hội nhập giáo dục toàn cầu, vị trí trên các bảng xếp hạng quốc tế uy tín như QS ngày càng đóng vai trò chiến lược đối với các trường đại học, không chỉ để khẳng định năng lực học thuật, mà còn tạo lợi thế trong hợp tác quốc tế, thu hút giảng viên-sinh viên và nguồn lực đầu tư. Những năm gần đây, ĐHCT đã đạt được nhiều tiến bộ đáng ghi nhận trong cải thiện thứ hạng trên các bảng xếp hạng QS Asia, QS World và QS by Subject. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa vị thế học thuật, cần nhận diện rõ các yếu tố ảnh hưởng trọng yếu, đặc biệt là các chỉ báo có trọng số cao và triển khai các giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

5.1. Các yếu tố then chốt từ hoạt động công bố khoa học tác động đến xếp hạng QS

Việc cải thiện thứ hạng trên các bảng xếp hạng quốc tế, đặc biệt là hệ thống QS Rankings, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có các chỉ báo mang trọng số cao phản ánh trực tiếp năng lực nghiên cứu và uy tín học thuật của Nhà trường.

(1) **Chất lượng và mức độ trích dẫn của công bố khoa học (*Citations per Paper*):** Chỉ báo này chiếm 10% trong QS Asia Rankings và QS World Rankings. Đây là một trong những chỉ số mà ĐHCT thường xuyên bị đánh giá thấp. Việc gia tăng công bố quốc tế là cần thiết, nhưng chưa đủ; trọng tâm là nâng cao chất lượng học thuật và khả năng được trích dẫn của mỗi công bố thông qua lựa chọn tạp chí uy tín (Q1, Q2), chiến lược công bố có chủ đích và liên kết với mạng lưới học giả có ảnh hưởng.

(2) **Danh tiếng học thuật (*Academic Reputation*):** Đây là chỉ số chiếm tỷ trọng cao nhất (30%) trong QS Rankings. Uy tín học thuật không thể xây dựng trong ngắn hạn, mà là kết quả tích lũy từ hoạt động nghiên cứu chất lượng, sự hiện diện trên mạng lưới học thuật toàn cầu và sự đánh giá tích cực từ các chuyên gia quốc tế. Những công bố có ảnh hưởng, đặc biệt

nếu xuất hiện trên các tạp chí có uy tín sẽ góp phần nâng cao hình ảnh khoa học của Nhà trường trong khảo sát độc lập của QS.

(3) Chỉ số công bố theo giảng viên (*Papers per Faculty*): Số lượng bài báo quốc tế bình quân trên mỗi giảng viên chiếm 5% trong QS Asia Rankings. Mặc dù đã có cải thiện trong thời gian qua, nhưng chỉ số này vẫn còn thấp so với các trường đại học dẫn đầu trong khu vực. Việc mở rộng công bố quốc tế nội bộ, đồng thời khuyến khích các nhóm nghiên cứu mới và giảng viên trẻ tham gia công bố là giải pháp then chốt.

(4) Mức độ phân bố giữa các lĩnh vực khoa học: Hiện nay, công bố quốc tế của Trường vẫn tập trung chủ yếu vào các ngành thế mạnh truyền thống như Nông nghiệp, Thủy sản, Môi trường, Kỹ thuật. Các lĩnh vực như Khoa học xã hội, Giáo dục, Khoa học cơ bản còn hạn chế về số lượng bài báo quốc tế, ảnh hưởng đến khả năng tham gia đầy đủ các bảng xếp hạng theo ngành và độ phủ học thuật của một đại học đa ngành như ĐHCT.

(5) Tác động tích cực từ việc Tạp chí CTU Journal of Innovation and Sustainable Development (CTUJoISD) gia nhập cơ sở dữ liệu Scopus: Ngày 06/7/2025, tạp chí CTUJoISD của Trường chính thức được chấp nhận vào hệ thống Scopus. Đây là dấu mốc quan trọng không chỉ trong hoạt động khoa học công nghệ mà còn có tiềm năng ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ báo trọng yếu trong xếp hạng QS. Cụ thể:

Citations per Paper: Các bài báo đăng trên CTUJoISD sẽ được tính vào tổng số trích dẫn và bài báo của Trường trong Scopus - cơ sở dữ liệu được QS sử dụng để đánh giá. Nếu Tạp chí thu hút được tác giả có mạng lưới học thuật mạnh, chỉ số trích dẫn trung bình sẽ được cải thiện đáng kể.

Academic Reputation: Việc sở hữu một tạp chí Scopus giúp khẳng định năng lực học thuật của Trường. Nếu CTUJoISD mời được chuyên gia quốc tế tham gia viết bài, phản biện, tham gia Hội đồng biên tập thì uy tín học thuật của Trường sẽ được cộng đồng quốc tế ghi nhận rõ ràng hơn.

Papers per Faculty: Tạp chí tạo thêm một kênh xuất bản Scopus cho đội ngũ giảng viên trong Trường, qua đó góp phần tăng số lượng công bố nội bộ và cải thiện chỉ số công bố trên mỗi giảng viên.

Tác động lan tỏa khác: Việc phát triển CTUJoISD theo hướng quốc tế hóa còn góp phần mở rộng mạng lưới nghiên cứu quốc tế (chỉ số *International Research Network*), thu hút nhân lực chất lượng cao (chỉ số *Staff with PhD*) và nâng cao năng lực xuất bản của toàn Trường.

5.2. Đề xuất giải pháp trong thời gian tới

Để phát huy hiệu quả các yếu tố ảnh hưởng nêu trên, kể cả tận dụng vai trò chiến lược của CTUJoISD, Trường cần triển khai các giải pháp đồng bộ, có trọng điểm nhằm cải thiện các chỉ báo quan trọng trong hệ thống xếp hạng QS. Cụ thể:

Thứ nhất, cần tiếp tục nâng cao chất lượng công bố quốc tế thông qua việc khuyến khích giảng viên và nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus nhóm Q1, Q2. Cùng với đó, việc tăng cường hỗ trợ phí xuất bản quốc tế cho các tác giả chính là viên chức của Trường sẽ góp phần khuyến khích hoạt động công bố chất lượng cao. Ngoài ra, cần tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn kỹ năng viết bài báo khoa học, kỹ năng công bố quốc tế để nâng cao năng lực học thuật cho đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu trẻ.

Thứ hai, cần chú trọng gia tăng các công bố có khả năng được trích dẫn cao. Việc phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh, các nhóm nghiên cứu dẫn dắt trong Trường sẽ giúp nâng cao năng suất và chất lượng công bố. Đồng thời, cần thúc đẩy mạnh mẽ các công

bổ hợp tác với học giả quốc tế, ưu tiên lựa chọn những đề tài có tính thời sự, gắn với các vấn đề toàn cầu, vấn đề khu vực nhằm nâng cao khả năng lan tỏa và tăng trích dẫn.

Thứ ba, cần được định hướng phát triển Tạp chí CTUJoISD như một công cụ chiến lược trong việc cải thiện thứ hạng của Trường. Bên cạnh yêu cầu chuẩn hóa quy trình phản biện với mức độ nghiêm ngặt cao, cần mời gọi nhiều chuyên gia quốc tế uy tín tham gia Hội đồng biên tập và khuyến khích gửi bài đăng Tạp chí. Đồng thời, cần xây dựng kế hoạch nâng chỉ số phân hạng của Tạp chí (Q của Scopus) thông qua việc thu hút các bài viết chất lượng cao từ cộng đồng học thuật trong nước và quốc tế.

Thứ tư, cần tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực khoa học còn hạn chế về công bố quốc tế. Các lĩnh vực như khoa học xã hội, giáo dục, y sinh và khoa học cơ bản cần được ưu tiên trong phân bổ kinh phí đề tài và hỗ trợ hình thành các nhóm nghiên cứu. Ngoài ra, cần khuyến khích các đề tài nghiên cứu liên ngành, đa ngành nhằm mở rộng phạm vi công bố và độ phủ học thuật trong các bảng xếp hạng theo lĩnh vực.

Thứ năm, cần tiếp tục gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu với đào tạo sau đại học thông qua việc mở rộng mô hình đào tạo dựa trên nghiên cứu (research-based training). Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cần có chính sách khuyến khích công bố quốc tế uy tín, từng bước hình thành văn hóa nghiên cứu và công bố khoa học trong đào tạo sau đại học.

Thứ sáu, chiến lược truyền thông học thuật và tăng cường hiện diện quốc tế cần được quan tâm đầu tư bài bản. Trường cần hỗ trợ giảng viên xây dựng và duy trì hồ sơ học thuật trên các nền tảng học thuật quốc tế như Google Scholar, ResearchGate, ORCID,... đồng thời tích cực tổ chức các hội thảo quốc tế có sự tham dự của các học giả uy tín để quảng bá hình ảnh học thuật của Trường. Tạp chí CTUJoISD cũng cần được xem là một thành tố quan trọng trong chiến lược xây dựng thương hiệu học thuật và lan tỏa vị thế khoa học của ĐHCT trong cộng đồng khoa học quốc tế.

6. Kết luận

Trong giai đoạn 2020-2025, ĐHCT đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế, qua đó từng bước cải thiện vị thế học thuật trên các bảng xếp hạng đại học uy tín, đặc biệt là xếp hạng QS. Những kết quả này đến từ sự đầu tư bài bản cho nguồn lực nghiên cứu, sự mở rộng hợp tác quốc tế gắn với đào tạo sau đại học, cùng với chính sách khuyến khích công bố ngày càng hoàn thiện. Việc Tạp chí CTUJoISD chính thức gia nhập cơ sở dữ liệu Scopus là một bước tiến quan trọng, góp phần gia tăng công bố, nâng cao trích dẫn, cải thiện danh tiếng học thuật và mạng lưới nghiên cứu-những yếu tố cốt lõi trong hệ thống xếp hạng QS Rankings. Trong thời gian tới, Trường cần tiếp tục ưu tiên nâng cao chất lượng công bố, phát triển đồng đều các lĩnh vực nghiên cứu và khai thác hiệu quả vai trò của Tạp chí khoa học trong việc củng cố vị thế học thuật. Đây chính là nền tảng để ĐHCT không chỉ duy trì mà còn vươn lên trong bảng xếp hạng quốc tế, góp phần khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo-nghiên cứu hàng đầu của quốc gia và khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Đại học Cần Thơ (2020, 2021, 2022, 2023 và 2024). Báo cáo thường niên.
2. Đại học Cần Thơ (2020, 2021, 2022, 2023 và 2024). Hệ thống tích hợp.
3. QS Top Universities (www.topuniversities.com). Thống kê qua các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025.
4. Scopus (www.scopus.com). Truy cập tháng 8/2025.

THÚC ĐẨY CHUYỂN GIAO VÀ THƯƠNG MẠI HÓA CÁC SẢN PHẨM TỪ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Châu Minh Khôi

Đảng bộ Trường Nông nghiệp

1. Giới thiệu

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và an ninh, quốc phòng, thể hiện ở các nội dung sau:

1.1. Động lực tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động

Ngành nông nghiệp của Việt Nam đã đạt kết quả đáng kể nhờ ứng dụng khoa học công nghệ: đóng góp trên 35% vào thành tựu của ngành này, giúp nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị xuất khẩu. Theo Chiến lược Phát triển Khoa học – Công nghệ và Đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định 569/QĐ-TTg, 2022), mục tiêu đến năm 2025 là đóng góp của hệ số năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 50%.

1.2. củng cố nền tảng tri thức và nâng cao vị thế quốc tế

Số lượng các bài báo quốc tế của Việt Nam tăng mạnh: từ 1.768 bài vào năm 2009 (xếp hạng 65 thế giới) lên tới 18.381 bài vào năm 2021, đưa Việt Nam vào nhóm “top 50” các quốc gia có hiệu suất nghiên cứu cao. Tầm nhìn thể hệ nhà khoa học trẻ ngày một mở rộng, nhiều nhóm nghiên cứu xuất sắc trên toàn quốc bắt đầu đăng các công bố quốc tế và gặt hái các giải thưởng khoa học giá trị.

1.3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực nội tại

Năm 2001–2015, khoảng 77% sản phẩm khoa học của Việt Nam có sự hợp tác quốc tế, với các đồng tác giả đến từ nhiều nước trên thế giới. Các bài viết hợp tác quốc tế có lượt trích dẫn nhiều hơn các bài viết trong nước.

Việt Nam đã ký các thỏa thuận và thực hiện nhiều dự án khoa học – công nghệ song phương và đa phương, qua đó thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và hình ảnh quốc gia.

1.4. Giải quyết các thách thức cấp bách và thúc đẩy phát triển bền vững

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không chỉ đóng vai trò then chốt trong phát triển kinh tế mà còn giúp ứng phó với biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường. Trong lĩnh vực nông nghiệp, ứng dụng nghiên cứu đã giúp phát triển giống mới, tăng khả năng chống chịu và đáp ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu.

1.5. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Việc đầu tư cho khoa học được xem như đầu tư cho tương lai, giúp xây dựng đội ngũ lao động có kỹ năng cao thông qua các chương trình học bổng, đào tạo và hỗ trợ thương mại hóa. Đầu tư còn thúc đẩy sự hình thành các trung tâm nghiên cứu trọng điểm, thu hút nhân tài cả trong và ngoài nước.

2. Thực trạng chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm từ nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam

Trường đại học và viện nghiên cứu gặp khó trong thương mại hóa các sản phẩm từ NCKH do một số nguyên nhân, rào cản như sau:

- Có sự bất nhất giữa các luật về quyền lợi từ thương mại hóa: Luật Quản lý tài sản công, Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ đều đưa ra tỷ lệ khác nhau khiến việc triển khai gặp vướng mắc.

- Nhiều doanh nghiệp thiếu năng lực đánh giá tài sản nghiên cứu, dẫn đến khó thương mại hóa.

- Chính sách chưa đủ khung pháp lý đồng nhất cho liên doanh giữa Viện, Trường và doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Các cơ chế định giá và đánh giá công nghệ vẫn chưa hiệu quả; ví dụ, pháp luật hiện chưa hỗ trợ mạnh mẽ việc định giá tài sản vô hình như nghiên cứu và bằng sáng chế.

- Theo quy định hiện hành, kết quả nghiên cứu nhà nước thuộc quyền sở hữu Nhà nước; phần lợi ích dành cho nhà nghiên cứu thường ở mức thấp (15–20%), làm giảm động lực chuyển giao thực tế.

- Một số trường đại học đã chuyển trung tâm nghiên cứu thành công ty cổ phần để tăng năng lực thương mại hóa, nhưng phần lớn các kết quả nghiên cứu vẫn khó ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, do thiếu nguồn lực và định hướng thị trường rõ ràng.

- Các phòng ban chức năng hỗ trợ chuyển giao công nghệ (TTO) ở trường đại học vẫn đang rất hạn chế về năng lực chuyên môn, chưa phát huy hiệu quả mong muốn.

3. Chính sách hỗ trợ thúc đẩy chuyển giao và thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học

Dưới đây là tóm lược chính sách hiện hành tại Việt Nam về chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ:

Luật Chuyển giao Công nghệ (2006) – Điều 40–44

- Quyền sở hữu công nghệ do nhà nước cấp ngân sách tài trợ mặc nhiên thuộc về tổ chức nghiên cứu. Các tổ chức phải chuyển giao công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và nhiệm vụ khẩn cấp khác.

- Cơ chế chia sẻ lợi ích:

+ Nếu công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tác giả hưởng tiền bản quyền.

+ Nếu không, đơn vị phát triển xác định và công khai tỷ lệ chia lợi nhuận (20–35% cho người sáng tạo), tối đa 10 năm.

- Thu nhập sau trả thù lao cho người sáng tạo: 50% tái đầu tư nghiên cứu, 50% vào quỹ phúc lợi/tuyên dương.

Luật sửa đổi (2017)

- Bổ sung các cơ chế khuyến khích chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, trong nước và ngăn chặn công nghệ lạc hậu.

- Cải thiện định giá, thẩm định công nghệ, đăng ký chuyển giao và ưu đãi thuế.

Nghị định 109/2022 (có hiệu lực từ 01/3/2023)

Các cơ sở giáo dục đại học được khuyến khích:

+ Phổ biến và giới thiệu thành quả nghiên cứu;

+ Hướng dẫn thực hiện hợp đồng, đăng ký chuyển giao;

+ Triển khai chuyển giao cho tổ chức trong và ngoài nước (trừ bí mật Nhà nước).

Về sở hữu trí tuệ:

+ Xác lập quy định về quyền sử dụng, nộp đơn bảo hộ, phân chia quyền lợi giữa trường và nhà tài trợ.

Nghị định 70/2018 và hướng dẫn áp dụng

Quy định quản lý tài sản từ nghiên cứu khoa học nhà nước:

+ Trước năm 2018, các viện có thể chuyển quyền sở hữu trực tiếp (Ví dụ: giống lúa).

+ Sau đó, chỉ có thể chuyển giao quyền sản xuất – kinh doanh, không chuyển quyền sở hữu. Điều này gây cản trở lớn cho thương mại hóa sản phẩm.

Các hướng dẫn bổ trợ: Thông tư 63/2018 (Bộ Tài chính), Thông tư 02/2020 (Bộ Khoa học và Công nghệ).

Chiến lược cải thiện chính sách gần đây:

Năm 2025, Dự thảo Nghị quyết mới nhằm:

Cho phép các tổ chức nghiên cứu sở hữu và quyết định việc thương mại hóa kết quả;

Tối thiểu hóa trách nhiệm hoàn lại ngân sách nếu nghiên cứu không đạt kết quả;

Cho phép nhà nghiên cứu hưởng ít nhất 30% lợi nhuận từ thương mại và được phép thành lập doanh nghiệp để thương mại hóa.

4. Khuyến nghị

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý và tạo động lực hợp tác công-tư

- Cần sửa đổi các nghị định như Nghị định 70/2018 để cho phép doanh nghiệp tham gia từ khâu nghiên cứu đến thương mại hóa, với quy định rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên.

- Thiết lập chế tài bắt buộc hoặc ưu việt cho hợp tác chuyển giao từ bên FDI gồm yêu cầu chia sẻ công nghệ và đào tạo chuyên môn.

4.2. Phát triển tổ chức trung gian và TTO (Technology Transfer Offices)

- Thành lập và nâng cao năng lực cho các trung gian chuyển giao công nghệ, nơi cung cấp dịch vụ từ tư vấn, đánh giá, định giá, đến kết nối thị trường cho các tổ chức nghiên cứu.

- Thành lập hoặc nâng cấp các TTO trong đại học với chuyên gia pháp lý, tài chính, tiếp thị để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

4.3. Hỗ trợ tài chính - tín dụng và ưu đãi thuế

- Thiết lập quỹ đầu tư hỗ trợ khởi nghiệp và doanh nghiệp khoa học – công nghệ theo mô hình đối tác công – tư, đặc biệt hỗ trợ giai đoạn sau ươm tạo (post-incubation).

- Cung cấp tín dụng ưu đãi hoặc không cần tài sản đảm bảo cho các doanh nghiệp khoa học công nghệ để giảm rủi ro đầu tư.

- Mở rộng khung ưu đãi thuế cho doanh nghiệp khoa học – công nghệ, kéo dài miễn thuế và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các startup.

4.4. Xây dựng thị trường khoa học và công nghệ quốc gia

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng như trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch IP, hội chợ công nghệ và mạng kết nối giữa các bên liên quan.

- Tạo cổng thông tin quốc gia công bố các kết quả nghiên cứu sẵn sàng thương mại hóa, tạo cầu nối minh bạch giữa cung – cầu công nghệ.

4.5. Đào tạo và nâng cao năng lực

- Tăng cường đào tạo kỹ năng thương mại hóa, quản lý IP và khởi nghiệp cho nhà khoa học, cán bộ TTO và doanh nghiệp.

- Hình thành các vườn ươm sáng tạo, trường đào tạo TTO và tổ chức hỗ trợ kỹ thuật phục vụ thương mại hóa.

4.6. Thu hút hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực trong nước

- Thiết lập quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, startup và quỹ quốc tế để tiếp nhận kinh nghiệm về nghiên cứu ứng dụng, IP và thương mại hóa.

- Hợp tác với khối FDI để thúc đẩy chuyển giao công nghệ qua đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác R&D và tạo điều kiện để Việt Nam hưởng lợi từ giá trị gia tăng công nghệ.

THÚC ĐẨY NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYÊN GIAO PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VÀ TẠO NGUỒN THU: NHỮNG ĐỀ XUẤT CỦA TRƯỜNG THỦY SẢN – ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Vũ Ngọc Út

Đảng bộ Trường Thủy sản

1. Mở đầu

Trong bối cảnh phát triển mới của đất nước và của Đại học Cần Thơ với vai trò là một Đại học vùng, nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyên giao khoa học công nghệ (KH&CN), phục vụ cộng đồng và đồng thời tạo ra nguồn thu hợp pháp, bền vững ngày càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Đặc biệt, trong lĩnh vực thủy sản – ngành kinh tế mũi nhọn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), việc gắn kết nghiên cứu – chuyên giao với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng có ý nghĩa thiết thực, góp phần thúc đẩy sinh kế bền vững, phát triển kinh tế địa phương và nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường.

Ngoài ra, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, năm 2021, Đảng đã nhấn mạnh yêu cầu tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực và chuyên giao công nghệ (CGCN) nhằm phục vụ thiết thực cho cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương và cả nước.

Tham luận này sẽ làm nổi bật tầm quan trọng của NCKH và CGCN, đồng thời cũng nêu những khó khăn, thách thức đang tồn tại và đề xuất các giải pháp thiết thực để thúc đẩy hoạt động này hiệu quả hơn, qua đó góp phần **phát triển cộng đồng, nâng cao vị thế nhà trường và tạo nguồn lực tài chính phục vụ tái đầu tư** cho đào tạo – nghiên cứu.

2. Tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ

Trong bối cảnh hiện nay, NCKH và CGCN không chỉ là chức năng cốt lõi của một đại học, mà còn là công cụ quan trọng để gắn kết nhà trường với thực tiễn, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở khu vực ĐBSCL.

Khoa học và công nghệ (KH&CN) góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách của ngành, xã hội, giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn như cải tiến kỹ thuật sản xuất, phát triển mô hình nông nghiệp – thủy sản bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo sinh kế cho người dân.

Hoạt động NCKH và CGCN là nền tảng nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu học thuật, đặc biệt là tạo nguồn thu nhằm tự chủ tài chính, phát triển cơ sở vật chất và thu hút nhân lực chất lượng cao.

Đây là môi trường phát triển năng lực nghiên cứu – ứng dụng, đồng thời là điều kiện để thương mại hóa các sản phẩm KH&CN, kết nối với doanh nghiệp và thị trường lao động.

Hoạt động KH&CN thúc đẩy liên kết nhà trường – doanh nghiệp – nông dân. KH&CN là cầu nối hiệu quả giúp trường đại học gắn bó chặt chẽ hơn với doanh nghiệp và cộng đồng, đồng thời là kênh để nâng cao năng lực nội sinh của cộng đồng thông qua đào tạo, huấn luyện, tư vấn kỹ thuật.

Hoạt động KH&CN góp phần tạo nguồn thu chính đáng và bền vững. Thông qua các hoạt động tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, cung cấp sản phẩm KH&CN, mô hình trình diễn, Nhà trường có thể tạo ra các nguồn thu hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu và tái đầu tư cơ sở vật chất.

3. Những khó khăn, thách thức trong hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ

Mặc dù có nhiều tiềm năng, hoạt động CGCN tại các trường đại học nói chung và Đại học Cần Thơ nói riêng vẫn còn đối mặt với một số khó khăn:

Hạn chế về năng lực thương mại hóa: Nhiều đề tài có tính ứng dụng cao nhưng chưa được đầu tư để trở thành sản phẩm thương mại do thiếu kinh nghiệm trong việc thương mại hóa, đưa sản phẩm ra thị trường.

Khoảng cách giữa nghiên cứu và thực tiễn sản xuất: Sản phẩm KH&CN chưa thực sự sát với nhu cầu của doanh nghiệp và người dân, do thiếu sự đồng hành từ đầu trong quá trình nghiên cứu và phát triển.

Thiếu cơ chế khuyến khích thực chất: Chính sách về chia sẻ lợi ích, sở hữu trí tuệ và hỗ trợ khởi nghiệp từ kết quả nghiên cứu còn chưa hấp dẫn.

Thiếu đội ngũ chuyên trách chuyển giao KH&CN: Hoạt động chuyển giao vẫn chủ yếu do giảng viên kiêm nhiệm, thiếu bộ phận chuyên trách có năng lực vận hành theo mô hình dịch vụ chuyên nghiệp.

Thiếu nguồn lực đầu tư ban đầu cho nghiên cứu ứng dụng: Các dự án cấp bộ, cấp tỉnh hoặc địa phương có quy mô hạn chế, chưa đủ lực để tạo ra sản phẩm có tính lan tỏa lớn.

Thiếu kết nối hiệu quả với doanh nghiệp: Các cơ chế hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư hoặc đặt hàng nghiên cứu vẫn còn thiếu, mô hình chia sẻ lợi ích chưa rõ ràng.

4. Một số đề xuất thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và tạo nguồn thu

Để vượt qua các rào cản và tận dụng tiềm năng, một số giải pháp được đề xuất như sau:

Tăng cường đầu tư có trọng điểm cho nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao: Các lĩnh vực thế mạnh của vùng như nông nghiệp, thủy sản, biến đổi khí hậu, môi trường, ... cần được chú trọng đầu tư.

Thành lập bộ phận chuyên trách CGCN: Đơn vị chuyên trách về tư vấn – chuyển giao công nghệ được đề xuất thành lập. Đơn vị có tư cách pháp nhân, vận hành linh hoạt, minh bạch tài chính và phối hợp với Phòng Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo trong tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, xúc tiến CGCN.

Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp và địa phương: Các thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp, địa phương cần được ký kết để đặt hàng nghiên cứu, cung cấp dịch vụ kỹ thuật và đào tạo. Đây không phải chỉ là ký kết hợp tác mà còn cần có cơ chế đồng hành từ khâu xác định đề tài đến triển khai, đánh giá hiệu quả. Các hội nghị kết nối cung – cầu công nghệ ngành thủy sản nên được tổ chức định kỳ để giới thiệu kết quả nghiên cứu, sản phẩm công nghệ. Nhà trường cần phối hợp hình thành mạng lưới cộng tác viên CGCN tại các vùng nuôi trồng điểm, từ đó gắn kết "4 nhà": Nhà trường – Nhà nông – Doanh nghiệp – Quản lý.

Hoàn thiện cơ chế khuyến khích nội bộ: Đại học Cần Thơ cần ban hành quy định rõ ràng về việc chia sẻ thu nhập từ hoạt động dịch vụ – chuyển giao, bảo đảm quyền lợi hợp lý cho người thực hiện, nhóm nghiên cứu và nhà trường; đồng thời tích hợp kết quả CGCN vào tiêu chí thi đua, xét danh hiệu, đánh giá giảng viên.

Tăng cường truyền thông, lan tỏa giá trị nghiên cứu: Nhà trường cần tích cực ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội và các kênh truyền thông đa phương tiện để giới thiệu kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng thành công tới cộng đồng, đối tác.

5. Kết luận

Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao KH&CN không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội chiến lược để Đại học Cần Thơ khẳng định vai trò của mình trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Hoạt động chuyển giao KHCN vừa góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn cấp bách trong sản xuất và đời sống, vừa tạo ra nguồn thu hợp pháp, bền vững, góp phần nâng cao năng lực tài chính, tự chủ đại học và cải thiện đời sống cho cán bộ giảng viên, nhà khoa học.

Trong bối cảnh đổi mới cơ chế tài chính và tự chủ đại học hiện nay, việc tăng cường kết nối với doanh nghiệp, hợp tác với địa phương, ứng dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu vào thực tiễn là hướng đi tất yếu để Nhà trường thực hiện tốt sứ mạng “phục vụ cộng đồng”. Chuyển giao KHCN vì vậy không chỉ là “đầu ra” của nghiên cứu, mà cần được xem là một trong ba trụ cột song hành cùng đào tạo và nghiên cứu, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu và phát triển bền vững cho Nhà trường trong thời gian tới.

XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH – NHÂN TỐ QUAN TRỌNG PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Phạm Văn Búa

Đảng bộ Khoa Khoa học chính trị, Xã hội và Nhân văn

Tóm tắt

Bài tham luận khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng, từ đó làm rõ những thành tựu đạt được của Đảng bộ Đại học Cần Thơ trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức và cán bộ, khẳng định đây là nhân tố quan trọng trong phát triển Đại học Cần Thơ hiện nay.

1. Mở đầu

50 năm qua, kể từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975-2025), dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Đại học Cần Thơ (ĐHCT) đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” cho vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung; việc lãnh đạo thực hiện công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã góp phần quan trọng trong việc ổn định an ninh chính trị, xã hội; đặc biệt là thành tựu trong công tác phát triển đội ngũ đảng viên trẻ từ sinh viên của Trường. Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu và đạt được những kết quả to lớn trong những năm qua càng khẳng định vai trò to lớn của Đảng ủy. Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng ủy Đại học Cần Thơ luôn xem xây dựng Đảng vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa sống còn.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, trải qua 95 năm lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết nên trang sử hào hùng của dân tộc. Đạt được thành tựu đó là do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Khi cách mạng phát triển mạnh, xây dựng Đảng để Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đáp ứng yêu cầu được giao; khi cách mạng còn khó khăn, xây dựng Đảng mạnh hơn, không dao động và có thái độ bình tĩnh, sáng suốt, kiên định vượt qua; khi cách mạng trên đà thắng lợi, xây dựng Đảng để ngăn chặn bệnh quan liêu, kiêu ngạo, chủ quan, tự mãn.

Là người sáng lập Đảng ta, trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để Đảng có đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Ngay trong Di chúc thiêng liêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành phần đầu tiên “nói về Đảng”. Bác ca ngợi truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, xem đó là nguyên nhân đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.15, tr. 621-622.

Từ đó, Người nhắc nhở Đảng ta: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”². Như vậy, điều đó cho thấy đoàn kết nội bộ Đảng đã tạo nên sức mạnh trong Đảng để đưa cách mạng thắng lợi.

Để Đảng vững mạnh, Người yêu cầu Đảng phải “là đạo đức, là văn minh”. Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³.

Trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh quan tâm đến việc thực hành dân chủ trong Đảng, xem đây là “chìa khóa vạn năng để có thể giải quyết mọi khó khăn”⁴. Đảng chú trọng đưa các giá trị dân chủ vào hoạt động lãnh đạo, gắn với thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Tập trung để Đảng ta trở thành khối thống nhất, dân chủ để “tìm ra chân lý” nên phải gắn với kỷ luật, kỷ cương. Người chỉ rõ: Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng dân chủ (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành lãnh đạo tập trung, nâng cao tính tổ chức và kỷ luật, phải kiên quyết chống lời nói và việc làm tự do vô tổ chức, tự do hành động, dân chủ quá trớn⁵.

Năm 1953, trong tác phẩm “Thường thức chính trị”, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ đường lối “Xây dựng Đảng có ba mặt: Tư tưởng, chính trị và tổ chức”⁶.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội mới, vừa phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức lớn. Để nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức với tinh thần cách mạng tiến công, đưa đất nước phát triển, đặc biệt tiến tới chào mừng Đại hội lần thứ XIV của Đảng, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng (đến năm 2030), kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (đến năm 2045), trở thành nước phát triển thu nhập cao,... yêu cầu đặt ra đối với công tác xây dựng Đảng ngày càng cao hơn: Đảng ta phải trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực để đưa ra quyết sách đúng đắn đưa đất nước vượt qua khó khăn, đạt được “mục tiêu trăm năm”.

Đảng ta đã ban hành nhiều Nghị quyết về xây dựng Đảng như: Hội nghị Trung ương 4 Khóa XI nêu “Một số vấn đề cấp bách hiện nay về xây dựng Đảng”, Hội nghị Trung ương 4 Khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ,... Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”⁷, xem đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đại hội nhấn mạnh: “Phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”.

Như vậy, xây dựng Đảng vững mạnh là quá trình thống nhất với năm nhiệm vụ cơ bản: xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.15, tr. 622.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.15, tr. 622.

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.15, tr. 325.

⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.8, tr. 287.

⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.8, tr. 280.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, 2021, t.II, tr.348.

2.2. Những thành tựu trong công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh của Đại học Cần Thơ

Chặng đường lịch sử 50 năm hình thành và phát triển của Đảng bộ Cần Thơ từ năm 1975 đến năm 2025, trải qua 13 kỳ Đại hội là chặng đầy khó khăn về mọi mặt của Đảng bộ cũng như tình trạng giáo dục và đào tạo của vùng, nhất là công tác chính trị, tư tưởng. Đảng bộ Đại học Cần Thơ hiện có 14 Đảng bộ cơ sở với 100 chi bộ trực thuộc và 24 chi bộ cơ sở, với 1.760 đảng viên, trong đó 827 đảng viên là sinh viên. Đảng bộ Đại học Cần Thơ đã vượt qua mọi khó khăn để lãnh đạo vươn lên và phát triển, đóng góp thiết thực cho vùng về mọi mặt, góp phần đưa khu vực và cả nước “thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội”, góp phần đưa cả nước “bước sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, hội nhập và phát triển. Công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh đã đạt được thành tựu quan trọng:

Thứ nhất, tăng cường xây dựng Đảng bộ về chính trị

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị về kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng bộ được Đảng ủy rất quan tâm và triển khai kịp thời. Công tác tổ chức học tập và quán triệt các Nghị quyết của Trung ương được thực hiện nghiêm túc theo đúng kế hoạch của Thành ủy và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Thành ủy. Riêng trong giai đoạn 2021 – 2025, tỷ lệ viên chức - người lao động (VC-NLĐ) và người học tham gia các đợt học tập theo Nghị quyết đạt tỷ lệ trên 97%.

Công tác triển khai lập bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hằng năm được các cấp ủy, đảng viên và viên chức trong toàn Đảng bộ thực hiện nghiêm túc. Cán bộ lãnh đạo đã phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu trong mọi hoạt động; tích cực chống những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đảng ủy đã tích cực triển khai thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Qua đó, cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn về đường lối, chủ trương của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, tạo sự thống nhất cao trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong cán bộ, sinh viên. Trong suốt nhiệm kỳ, ĐHCT không có trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, coi trọng xây dựng Đảng bộ về tư tưởng

Công tác này được triển khai rộng khắp, thường xuyên trong toàn Đảng bộ. Công tác triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Kết luận 01-KL/TW của Ban Bí thư và việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là Bí thư Đảng bộ, chi bộ cơ sở (kể cả chi bộ trực thuộc), người đứng đầu và các cấp ủy viên ở cơ sở được Đảng ủy thực hiện có hiệu quả.

Hội thi Olympic các môn lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh hằng năm, các phong trào thanh niên tiên tiến học tập và làm theo lời Bác và công tác báo cáo về tình hình thời sự chính trị, biển đảo của Tổ quốc được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo sát sao; số lượng người học tham dự các cuộc thi tăng lên hằng năm được xem là mô hình hay của toàn thành phố. Cuộc thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được đặc biệt quan tâm, triển khai có hiệu quả và đạt nhiều giải

thường cao. Số lượng bài dự thi năm 2022 là 401, năm 2023 là 600, năm 2024 là 873 và năm 2025 là 1.005.

Quy chế dân chủ cơ sở được ủy Đảng quan tâm thực hiện tốt. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy ĐHCT, các quy định liên quan đến quyền và lợi ích của VC-NLĐ thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị. Công tác nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quốc phòng và an ninh cho cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và giảng viên được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Trong giai đoạn 2021 - 2025, Đảng ủy đã cử đi đào tạo 69 đảng viên (68 đảng viên đã tốt nghiệp) trình độ cao cấp chính trị và phối hợp với Trường Chính trị thành phố Cần Thơ tổ chức 02 lớp Trung cấp chính trị cho 100 đảng viên.

Thứ ba, tập trung xây dựng Đảng bộ về đạo đức

Công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng bộ nên Nghị quyết 59-NQ/ĐU ngày 04/6/2012 của Đảng ủy “*Về tăng cường giáo dục đạo đức, ý thức kỷ luật trong sinh viên trường Đại học Cần Thơ*” đã được tiếp tục đẩy mạnh trong tổ chức và thực hiện, góp phần quan trọng nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống trong sinh viên. Các cấp ủy Đảng trong Trường đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về 5 chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của ĐHCT. Trong suốt nhiệm kỳ, ĐHCT không có trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, nhiều mô hình dân vận khéo được triển khai và phát huy có hiệu quả ở các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở giúp đảng viên *phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lễ lối làm việc*. Công tác quy hoạch cán bộ và phòng chống tham nhũng cũng được thực hiện nghiêm túc, bao gồm luân chuyển vị trí công tác, kê khai tài sản thu nhập và thực hiện Quy định số 114-QĐ/TW của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Thứ tư, đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và cán bộ, đảng viên

Đây là thành tựu nổi bật của Đảng bộ Đại học Cần Thơ. Đảng ủy đã ban hành và thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Đảng ủy và Quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và nghiêm túc thực hiện Hướng dẫn số 08-HD/TU, Công văn số 1320-CV/TU của Thành ủy Cần Thơ nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức sinh hoạt đảng. Đảng ủy Đại học Cần Thơ cũng đã chỉ đạo công tác kiện toàn bộ máy đáp ứng tốt Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong giai đoạn 2021-2025, Đảng ủy đã thành lập mới 7 Đảng bộ, 2 Chi bộ cơ sở và 1 Chi bộ cơ sở được nâng lên thành Đảng bộ cơ sở; kiện toàn 5 Đảng bộ và 1 Chi bộ cơ sở để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của đơn vị; thành lập 6 trường chuyên ngành, Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Bộ môn Khoa học Sức khỏe. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ được Đảng ủy tập trung lãnh đạo thường xuyên, đạt kết quả tốt, nhất là bồi dưỡng lý luận chính trị cao cấp và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Hiện nay, Đảng bộ Trường có 14 Đảng bộ cơ sở (với 100 chi bộ trực thuộc) và 24 chi bộ cơ sở, với 1.760 đảng viên, tăng 5,8% so với đầu nhiệm kỳ (1.720), trong đó 827 đảng viên là sinh viên (chiếm tỷ lệ 47%). Thực hiện mục tiêu đổi mới quản trị ĐHCT thích ứng với tự chủ đại học, chuẩn mực quốc tế và tính cạnh tranh cao, Đảng ủy đã chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập Hội đồng Trường, các quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các vị trí lãnh đạo chủ chốt để thực hiện hoạt động quản trị và điều hành; chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý tài sản và các quy định nội bộ khác của Trường đúng theo quy định hiện hành. Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHCT ban hành Chỉ thị số 01-CT/ĐU ngày 07/7/2021 về công tác tạo nguồn và kết nạp đảng viên, nhờ đó công tác phát triển đảng được các cấp ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo có chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng, chỉ tiêu kết nạp đảng hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Giai đoạn 2021-2025, Đảng bộ đã kết nạp 821 đảng viên, đạt 137,8% so với chỉ tiêu (trong đó có: 109 VC-NLĐ, 712 đảng viên là sinh viên, chiếm 86,7%); chuyển đảng chính thức 910 trường hợp. Hằng năm, 2 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng và 2 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên mới được tổ chức.

Đảng ủy cũng đã chỉ đạo trực tiếp các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh) trong việc vận động VC-NLĐ và người học thực hiện nhiệm vụ chính trị. Công đoàn bảo vệ quyền lợi hợp pháp, tuyên truyền pháp luật, chuyên môn, tổ chức hoạt động chăm lo đời sống, tham gia quản lý và tôn vinh đóng góp.

Đảng ủy ĐHCT đã lãnh đạo và kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự chính quyền các cấp, chỉ đạo quy hoạch nhân sự và phân cấp quản lý, Đảng ủy đã ban hành và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 192-NQ/ĐU về *kiện toàn bộ máy và phát triển nguồn nhân lực của Đại học Cần Thơ*. Đặc biệt, Đảng ủy Trường đã chỉ đạo sâu sát các Đại hội Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đoàn Thanh niên), Hội Cựu Chiến binh và lãnh đạo các đoàn thể trong Trường vận động công chức viên chức, người lao động và sinh viên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Công đoàn thực hiện tốt vai trò là người đại diện bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công chức viên chức, người lao động; tuyên truyền và vận động quần chúng thực hiện tốt chính sách pháp luật, công tác chuyên môn; tổ chức nhiều hoạt động chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của công chức viên chức, người lao động; tôn vinh công chức viên chức, người lao động có nhiều đóng góp cho Trường. Đoàn Thanh niên đổi mới, sáng tạo hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, với nhiều phong trào hiệu quả như "Thanh niên tình nguyện", "Hiến máu", "Tuổi trẻ sáng tạo" và các chương trình đồng hành (Sinh viên 5 tốt, khởi nghiệp, phát triển kỹ năng). Hội Cựu Chiến binh phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tham gia chuyên môn, giám sát, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Đảng, chính quyền và phối hợp giáo dục truyền thống. Nhờ đó, các đoàn thể ĐHCT liên tục được đánh giá cao và khen thưởng.

3. Kết luận và kiến nghị kinh nghiệm

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng bộ Đại học Cần Thơ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ góp phần khẳng định vị thế của Đảng bộ Đại học Cần Thơ trong vùng, cả nước và trên thế giới.

Để phát huy những kết quả đạt được, đẩy mạnh xây dựng Đảng bộ vững mạnh, trong sạch, trong nhiệm kỳ 2025-2030, Đảng bộ cần chú trọng các kinh nghiệm: *Một là*, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành, cấp ủy các cấp; *Hai là*, làm tốt công tác quy hoạch, rà soát cán bộ nguồn lãnh đạo các cấp, nhất là người đứng đầu; *Ba là*, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XI, Nghị

quyết Trung ương 4 Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị 05-CT/TW Khóa XII, Kết luận 01 – KL/TW Khóa XIII của Ban Bí thư; *Bốn là*, tiếp tục phát huy và thực hiện tốt vấn đề dân chủ trong toàn Đảng bộ; *Năm là*, tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng bộ Trường Đại học Cần Thơ. (2015). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Cần Thơ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020*.
2. Đảng bộ Trường Đại học Cần Thơ. (2020). *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Cần Thơ lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập – tập 8. (2011). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
6. Hồ Chí Minh: Toàn tập – tập 15. (2011). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

PHÁT TRIỂN NHANH VÀ MẠNH NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT GÓP PHẦN THÚC ĐẨY CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI NỔI CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ: NHỮNG ĐỀ XUẤT

Trần Thanh Hùng

Đảng bộ Trường Bách khoa

1. Cơ sở lý luận – thực tiễn và hiện trạng phát triển các chương trình đào tạo mới nổi của Đại học Cần Thơ

Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 374/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030; Quyết định số 1017/QĐ-TTg và số 1018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 – đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc đào tạo nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn và đầu tư hiện đại hoá cơ sở vật chất, nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi kinh tế – xã hội.

Với vai trò là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, giữ vị trí trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Đại học Cần Thơ (ĐHCT) có trách nhiệm tiên phong trong việc phát triển các ngành công nghệ mới, qua đó hỗ trợ hiệu quả cho chương trình phát triển vùng và quốc gia. Trong thời gian qua, ĐHCT đã chủ động phát triển nhiều chương trình đào tạo (CTĐT) phù hợp với xu thế khoa học – công nghệ mới như Khoa học sức khỏe, Kỹ thuật robot, Vi mạch bán dẫn,... Bên cạnh đó, ĐHCT hiện đang đào tạo hơn 20 CTĐT thuộc các nhóm ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược – lĩnh vực được đề xuất trong dự thảo Nghị định quy định chính sách học bổng cho người học thuộc các ngành này (theo Công văn số 4193/BGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong khuôn khổ bài tham luận, chúng tôi tập trung phân tích, đánh giá tiềm năng và đề xuất một số giải pháp phát triển cho các lĩnh vực cụ thể đang có tiềm năng cao tại khu vực và cả nước là vi mạch bán dẫn và kỹ thuật y sinh, tự động hóa và số hóa.

1.1. Cơ hội

1.1.1. Đối với lĩnh vực vi mạch bán dẫn

ĐHCT là một trong 18 trường đại học trên toàn quốc được Chính phủ lựa chọn đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm (PTN) phục vụ nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn. Trong lĩnh vực này, ĐHCT có bề dày kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực điện – điện tử như ngành Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử – viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và Kỹ thuật máy tính, đặc biệt ngành Kỹ thuật máy tính có nội dung đào tạo liên quan đến thiết kế vi mạch bán dẫn và đã đào tạo hàng trăm kỹ sư trong lĩnh vực này suốt hơn 16 năm qua. Theo thống kê của Cộng đồng vi mạch Việt Nam và Hội Công nghệ Vi mạch Bán dẫn Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 7/2023), ĐHCT thuộc Top 5 trường đại học hàng đầu cung cấp nguồn nhân lực cho ngành vi mạch bán dẫn tại Việt Nam. Từ năm 2024, Nhà trường đã chính thức mở chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn thuộc ngành Kỹ thuật máy tính, với CTĐT được xây dựng theo định hướng chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế vi mạch. Trong năm 2025, ĐHCT tham gia mạng lưới Trung tâm đào tạo xuất sắc trong lĩnh vực công nghiệp bán dẫn do Trường Đại học Bách khoa – Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng chủ trì.

Về liên kết và hợp tác với doanh nghiệp: ĐHCT đã nhận được tài trợ phần mềm thiết kế vi mạch từ các công ty Cadence và Siemens, đồng thời được cấp quyền truy cập các nguồn tài nguyên học thuật và lõi IP của hãng ARM – phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu thiết kế vi mạch, truy cập nền tảng SARA – hệ thống tài nguyên học thuật và kỹ thuật vi mạch của Tập đoàn Synopsys. Nhà trường cũng đã bước đầu ký kết hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong ngành như CT Group, Faraday,...

Về nhân lực: Đội ngũ giảng viên (GV) có chuyên môn liên quan hiện có 55 người, trong đó có 04 Phó Giáo sư, 26 Tiến sĩ, cùng nhiều GV đang theo học sau đại học trong và ngoài nước. Đặc biệt, có 02 Tiến sĩ được đào tạo chuyên sâu về thiết kế vi mạch và hơn 18 lượt GV đã tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn trong lĩnh vực bán dẫn.

Về cơ sở vật chất: Bên cạnh hệ thống PTN hiện có, năm 2025, ĐHCT sẽ đưa vào vận hành PTN Thiết kế vi mạch với tổng kinh phí trên 1,5 tỷ đồng, từng bước hoàn thiện hạ tầng đào tạo, nghiên cứu tiên tiến.

1.1.2. Đối với lĩnh vực kỹ thuật y sinh, tự động hóa và số hóa

Hiện nay, ĐHCT là một trong 12 cơ sở đào tạo trên toàn quốc có triển khai chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật y sinh, là cơ sở đào tạo có nhiều lợi thế trong phát triển nhân lực phục vụ ngành y – được ứng dụng công nghệ cao tại ĐBSCL. ĐHCT đã ký kết hợp tác toàn diện với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, tạo điều kiện thuận lợi trong đào tạo, nghiên cứu liên ngành.

Về liên kết và hợp tác với doanh nghiệp: Trong lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, các dự án hợp tác với Siemens (Đức), Rockwell Automation (Hoa Kỳ), SMC (Nhật Bản) đã mang về nguồn tài trợ lên đến hơn 17 tỷ đồng cho ĐHCT. Đây là nền tảng vững chắc để đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm, chuyển giao công nghệ mới và đào tạo sinh viên sát với nhu cầu thực tiễn.

Về nhân lực: Hiện nay, ĐHCT có 12 GV chuyên môn sâu về Kỹ thuật y sinh, đảm nhiệm các hướng nghiên cứu và đào tạo mũi nhọn như: Kỹ thuật ảnh não không xâm lấn, công nghệ điều khiển robot nội soi khớp gối, vật liệu y sinh ứng dụng trong điều trị và phục hồi chức năng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích hình ảnh và tín hiệu sinh học để nhận dạng, phân loại và cảnh báo các bất thường của cơ thể người. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển các ứng dụng công nghệ cao trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường đã đầu tư xây dựng PTN Tự động hóa với nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình ODA là 5,2 tỷ đồng (năm 2021) và đầu tư thành lập PTN Kỹ thuật y sinh với tổng kinh phí 1,65 tỷ đồng (năm 2025) tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án liên ngành giữa y sinh, tự động hóa và công nghệ số.

1.2. Thách thức

1.2.1. Về nguồn lực con người

Theo thống kê, hiện tại cả nước mới chỉ có khoảng 6.000 kỹ sư thiết kế vi mạch, tức chưa đáp ứng được 20% nhu cầu thực tế. Tình trạng thiếu hụt đội ngũ chuyên gia, GV, kỹ sư có trình độ cao trong lĩnh vực công nghệ mới là rào cản lớn đối với việc mở rộng quy mô đào tạo và nghiên cứu.

1.2.2. Về nguồn lực cơ sở vật chất

Do tính chất mới và đặc thù cao, hiện các ngành này chưa có sự chia sẻ cơ sở vật chất với các đơn vị đào tạo khác, dẫn đến áp lực rất lớn cho ĐHCT trong việc đầu tư độc lập PTN,

thiết bị thực hành và phần mềm chuyên dụng. Hiện nay, phần lớn các thiết bị mới chỉ tập trung vào các hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA, DAQ) mà chưa mở rộng đầu tư vào các công nghệ hiện đại và chuyên sâu hơn. Ngoài ra, công nghệ tự động hóa phát triển rất nhanh, đòi hỏi kế hoạch đầu tư đồng bộ, tránh lạc hậu và lãng phí.

2. Đề xuất phát triển nhanh và mạnh nguồn lực con người và cơ sở vật chất góp phần thúc đẩy các chương trình đào tạo mới nổi của Đại học Cần Thơ

2.1. Phát triển nguồn lực con người

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của người đứng đầu trong việc phát triển mạnh nguồn lực con người và cơ sở vật chất tại các đơn vị. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của mỗi đơn vị. Do đó, cần phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu và tầm nhìn chiến lược của người đứng đầu trong việc huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư cho nhân lực và cơ sở vật chất; đảm bảo đội ngũ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất chính trị, năng lực quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đào tạo và thu hút nhân tài. Nhà trường cần sớm hoàn thiện hệ thống chính sách đặc thù và linh hoạt nhằm phát triển nhân lực cho các ngành mới nổi như công nghệ bán dẫn, kỹ thuật y sinh, tự động hóa-số hóa,... Cụ thể, Nhà trường cần thiết lập cơ chế đãi ngộ hấp dẫn và môi trường học thuật chuyên nghiệp để thu hút, giữ chân GV, nhà khoa học chất lượng cao; ưu tiên tuyển dụng ứng viên tiên sĩ trẻ, du học sinh từ các quốc gia phát triển vào các vị trí giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ cao; tăng cường cử GV đi đào tạo tiên sĩ và sau tiên sĩ tại các trung tâm học thuật hàng đầu thế giới nhằm tiếp thu công nghệ tiên tiến và xây dựng mạng lưới chuyên gia quốc tế.

Thứ ba, phát triển đội ngũ GV, cán bộ và kỹ thuật viên chuyên sâu. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cần toàn diện và lâu dài, bao gồm chuẩn hóa đội ngũ GV, cán bộ quản lý, nhân viên theo tiêu chuẩn quốc tế về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp; xây dựng lực lượng trợ giảng và kỹ thuật viên chuyên sâu, đặc biệt cho các CTĐT ứng dụng cao như kỹ thuật y sinh, thiết kế vi mạch, tự động hóa; tổ chức đào tạo nội bộ và các chương trình cập nhật công nghệ định kỳ cho toàn bộ đội ngũ GV nhằm nâng cao năng lực triển khai CTĐT và vận hành trang thiết bị hiện đại.

Thứ tư, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước để tận dụng nguồn lực chất lượng cao. Cụ thể: tăng cường liên kết đào tạo, nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế, tập trung vào các đối tác có thế mạnh về các lĩnh vực công nghệ mới. Ví dụ: mời chuyên gia quốc tế, các nhà khoa học sau tiến sĩ đến giảng dạy, hợp tác nghiên cứu dưới hình thức visiting professors/postdocs ngắn hạn; thành lập các trung tâm đào tạo xuất sắc (Centers of Excellence) làm đầu mối tiếp nhận tri thức mới, lan tỏa hiệu quả đào tạo nhân lực chất lượng cao cho vùng ĐBSCL và cả nước.

2.2. Phát triển nguồn lực cơ sở vật chất

Một là, đầu tư xây dựng các PTN và xưởng thực hành, thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu trong các ngành công nghệ mới nổi. Cụ thể, các PTN chuyên biệt như AI – Robot Lab, Precision Agriculture Lab, Smart Manufacturing Lab, Energy & Environment Lab, PTN Thiết kế vi mạch, PTN Vật liệu bán dẫn, PTN Quang y sinh, PTN y học tái tạo,... được thiết lập và đầu tư trang thiết bị hiện đại.

Hai là, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và tận dụng nguồn lực từ các đề tài, dự án đề nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất. Các đơn vị cần chủ động xây dựng các dự án đầu tư trang thiết bị gắn với định hướng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đồng thời, tranh thủ nguồn lực từ Nghị quyết 57 và các chương trình hỗ trợ khác và khuyến khích xã hội hóa, huy động tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cùng đầu tư hoặc tài trợ thiết bị, công nghệ.

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đào tạo và nghiên cứu, góp phần hiện đại hóa phương pháp dạy và học. Cụ thể: xây dựng các phòng học thông minh, lớp học số hóa, phòng mô phỏng thực tế ảo (AR/VR),... Ngoài ra, Nhà trường cần phát triển nền tảng đào tạo trực tuyến kết hợp (blended learning), mô phỏng thí nghiệm số và hệ thống đánh giá kỹ năng thực hành (Lab Skills Assessment Platform).

Bốn là, phát triển không gian học tập và sinh hoạt hiện đại, thân thiện, tạo môi trường thuận lợi cho học tập và nghiên cứu; gắn kết giữa giảng đường – thư viện – PTN – ký túc xá thành một hệ thống sinh thái học thuật mở; thúc đẩy sự sáng tạo, kết nối và hợp tác giữa người học – GV – nhà nghiên cứu.

2.3. Tăng cường kết nối – hợp tác – chuyển giao

Thứ nhất, đồng phát triển chương trình đào tạo: Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các đối tác quốc tế trong việc đồng xây dựng và phát triển CTĐT, đảm bảo nội dung sát với thực tiễn, cập nhật công nghệ mới và trang bị kỹ năng thiết yếu cho sinh viên; tăng cường các học phần thực hành, mô phỏng và bài toán ứng dụng thực tế; mời chuyên gia doanh nghiệp và quốc tế tham gia thiết kế và giảng dạy một phần chương trình, góp phần nâng cao tính ứng dụng và hội nhập.

Thứ hai, đồng đầu tư cơ sở vật chất, tài trợ thiết bị: Phối hợp với doanh nghiệp và các tổ chức đối tác để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo theo hướng hiện đại, chuyên sâu và đổi mới sáng tạo; chia sẻ chi phí đầu tư, giảm gánh nặng cho Nhà trường, đồng thời giúp sinh viên được tiếp cận và làm chủ công nghệ thực tế đang được sử dụng trong sản xuất, kinh doanh.

Thứ ba, tạo đầu ra việc làm và thực tập cho sinh viên: Thiết lập mạng lưới liên kết rộng rãi với doanh nghiệp để tạo các vị trí thực tập, làm việc bán thời gian và đầu ra việc làm sau tốt nghiệp cho sinh viên; sinh viên có điều kiện để trải nghiệm môi trường thực tế, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và mở rộng kết nối chuyên môn; doanh nghiệp có thể tuyển chọn sớm nguồn nhân lực chất lượng, đồng thời đóng góp vào việc điều chỉnh, hoàn thiện CTĐT nhằm đáp ứng đúng nhu cầu thị trường lao động.

HỘI NHẬP TRONG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ GÓP PHẦN NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ: NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT

Văn Phạm Đan Thủy

Đảng bộ Hợp tác, Khoa học và Thông tin

Hội nhập quốc tế vừa là xu thế tất yếu, vừa là định hướng chiến lược nhất quán của Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới, với mục tiêu trở thành quốc gia có nền công nghiệp hiện đại và thu nhập cao vào năm 2045. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số, yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC) ngày càng trở nên cấp thiết. Đây là lực lượng lao động có tư duy toàn cầu, đổi mới – sáng tạo, có khả năng làm chủ công nghệ mới và thích ứng linh hoạt với những biến động không ngừng của thế giới.

Giáo dục đại học giữ vai trò quốc sách hàng đầu, là nền tảng xây dựng và phát triển NNLCLC đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Hội nhập quốc tế trong đào tạo không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận tri thức và công nghệ từ bên ngoài, mà còn bao hàm việc chủ động tham gia vào các mạng lưới học thuật quốc tế, đóng góp cho tri thức toàn cầu, xây dựng chương trình đào tạo hiện đại, mở rộng môi trường học tập đa văn hóa. Đó cũng là con đường để các cơ sở giáo dục đại học nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế học thuật, cũng như góp phần vào quá trình hiện đại hóa hệ thống giáo dục quốc gia. Với vai trò là một trong những cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của đất nước, việc thúc đẩy hội nhập quốc tế trong đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết đối với Đại học Cần Thơ.

Trong giai đoạn phát triển mới, với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo NNLCLC, trung tâm đổi mới sáng tạo và khoa học công nghệ hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và cả nước, Đại học Cần Thơ xác định hội nhập quốc tế trong đào tạo là một trong những trụ cột chiến lược. Đây không chỉ là yêu cầu nội tại để nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn là điều kiện để Nhà trường phát huy vai trò trung tâm vùng, đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp phát triển bền vững của khu vực và cả nước. Những nỗ lực hội nhập thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực, tạo tiền đề để Đại học Cần Thơ tiếp tục mở rộng hợp tác, nâng cao vị thế và lan tỏa giá trị tri thức đến cộng đồng quốc tế.

1. Thực trạng hội nhập quốc tế của Đại học Cần Thơ trong tiếp nhận chuyên gia và lưu học sinh

Đại học Cần Thơ là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, đa ngành, đa lĩnh vực, đóng vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ vùng ĐBSCL và cả nước. Với uy tín học thuật, tiềm lực đội ngũ và vị trí chiến lược, Nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 7 năm 2025, Đại học Cần Thơ đã tiếp đón tổng cộng 2.945 lượt đoàn khách quốc tế, với 14.165 lượt người đến trao đổi, làm việc, nghiên cứu và học tập. Hoạt động này đã phục hồi rõ rệt từ tháng 3/2022, sau giai đoạn bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch COVID-19 trong hai năm 2020–2021.

1.1. Tiếp nhận chuyên gia và giáo sư quốc tế

Khách quốc tế đến làm việc tại Đại học Cần Thơ có thành phần đa dạng, trong đó chuyên gia và giáo sư chiếm tỷ lệ lớn. Giai đoạn 2016–2025, Nhà trường đã tiếp nhận 5.831 lượt chuyên gia và 3.619 lượt giáo sư quốc tế. Các chuyên gia và giáo sư không chỉ tham gia giảng

dạy, hội thảo, mà còn đồng triển khai đề tài, dự án nghiên cứu. Những hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng khoa học và học thuật, đồng thời khẳng định vai trò ngày càng rõ nét của Đại học Cần Thơ trong mạng lưới học thuật khu vực và toàn cầu.

1.2. Tiếp nhận sinh viên và học viên quốc tế (lưu học sinh)

Từ năm 2016 đến ngày 31/7/2025, Đại học Cần Thơ đã tiếp nhận 4.309 lượt sinh viên và học viên quốc tế, gồm 3.587 lượt học ngắn hạn và 722 lượt học dài hạn. Diễn biến số lượng lưu học sinh theo thời gian như sau:

- **Giai đoạn trước đại dịch**, số lượng tăng trưởng mạnh: từ 531 lượt (2016) lên 774 lượt (2017), tăng gần 46% – mức cao nhất trong cả giai đoạn.
- **Giai đoạn 2020–2021**, do ảnh hưởng dịch COVID-19, số lượng giảm mạnh: chỉ còn 97 lượt (2020) và 3 lượt (2021).
- **Sau đại dịch**, số lượng lưu học sinh phục hồi nhanh: 222 lượt (2022), 429 lượt (2023) và đạt 545 lượt (2025).
- **Đặc biệt**, số lưu học sinh dài hạn năm 2025 đạt 145 lượt – cao nhất từ trước đến nay, cho thấy Đại học Cần Thơ đang dần trở thành điểm đến tin cậy không chỉ cho chương trình ngắn hạn mà cả dài hạn.

Hoạt động tiếp nhận lưu học sinh góp phần tạo nên môi trường học thuật đa văn hóa, thúc đẩy giao lưu sinh viên, đồng thời nâng cao hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường trong mắt bạn bè quốc tế.

1.3. Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế – hình thức tiếp nhận và trao đổi tri thức

Từ năm 2015 đến 2025, Đại học Cần Thơ đã tổ chức và phối hợp tổ chức khoảng 150 hội nghị, hội thảo quốc tế, thu hút 1.563 lượt khách quốc tế đến tham dự và trình bày báo cáo khoa học. Các sự kiện tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh như: nông nghiệp, môi trường, kinh tế, công nghệ thông tin – truyền thông, giáo dục và phát triển bền vững vùng ĐBSCL. Đây không chỉ là kênh lan tỏa tri thức, mà còn là cơ hội mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực ngoại ngữ và học thuật cho giảng viên, nghiên cứu viên, học viên và tạo điều kiện cho công bố quốc tế.

Những kết quả trên cho thấy Đại học Cần Thơ đã từng bước cân bằng tốt hai chiều hội nhập – vừa là điểm đến hấp dẫn, vừa là bệ phóng đưa người học Việt Nam vươn ra toàn cầu. Sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch, sự tăng trưởng ổn định trở lại và đặc biệt là xu hướng dịch chuyển từ chương trình ngắn hạn sang dài hạn là dấu hiệu rõ ràng cho thấy Nhà trường đang bước vào một giai đoạn hội nhập quốc tế ở tầm cao hơn.

2. Những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

2.1. Thuận lợi

- **Về chủ trương, chính sách:** Hội nhập quốc tế là một trong những định hướng lớn trong chiến lược phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước. Đại học Cần Thơ nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế trong các hoạt động hội nhập quốc tế.
- **Về vị thế và uy tín:** Trường là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu tại Việt Nam, có nền tảng học thuật vững chắc, đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao, có kinh nghiệm

hợp tác quốc tế lâu năm và là đối tác tin cậy của nhiều tổ chức, trường đại học trên thế giới.

- **Về nội lực phát triển:** Năng lực tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ngày càng được củng cố. Nhiều giảng viên trẻ được đào tạo từ nước ngoài, có khả năng ngoại ngữ và kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu từng bước được cải thiện, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

2.2. Khó khăn

- **Về nguồn lực:** Tỷ lệ cán bộ, giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh chưa cao. Việc tổ chức các học phần bằng tiếng Anh trong chương trình đào tạo chính quy chưa phổ biến. Số lượng cán bộ có kinh nghiệm triển khai các chương trình liên kết quốc tế và quản lý lưu học sinh còn hạn chế. Một số đơn vị chưa chủ động tham gia vào hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo.
- **Về cơ chế chính sách:** Một số quy định, quy trình liên quan đến tiếp nhận sinh viên quốc tế, ký kết thỏa thuận hợp tác, tổ chức chương trình đào tạo liên kết hoặc công nhận tín chỉ chuyển tiếp còn chồng chéo, thiếu đồng bộ hoặc chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.
- **Về yếu tố khách quan:** Các biến động toàn cầu như dịch bệnh, xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu,... gây ảnh hưởng đến tính ổn định và khả năng duy trì các chương trình hợp tác quốc tế. Một số đối tác có xu hướng chuyển hướng ưu tiên sang các quốc gia khác có chính sách linh hoạt hơn trong tiếp nhận sinh viên và chuyên gia.

2.3. Nguyên nhân

- Nhận thức về vai trò và lợi ích của hội nhập quốc tế trong một bộ phận cán bộ, giảng viên còn hạn chế. Việc lồng ghép mục tiêu hội nhập vào kế hoạch phát triển đơn vị chưa thực sự đồng bộ và chiến lược.
- Thiếu cơ chế khuyến khích cụ thể đối với cán bộ, giảng viên tích cực tham gia vào hoạt động hợp tác đào tạo, giảng dạy và trao đổi quốc tế. Chính sách hỗ trợ lưu học sinh, sinh viên quốc tế và chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh chưa đủ hấp dẫn.
- Việc đầu tư cho hoạt động quốc tế hóa trong đào tạo, như phát triển chương trình song ngữ, mở rộng học phần tiếng Anh, xây dựng đội ngũ giảng viên quốc tế,... còn chưa tương xứng với mục tiêu và kỳ vọng đề ra.

3. Định hướng và đề xuất để nâng cao vị thế của Đại học Cần Thơ thông qua hội nhập quốc tế trong đào tạo

Hội nhập quốc tế trong đào tạo cần được xác định là một trong những mũi nhọn chiến lược để nâng cao vị thế học thuật và tầm ảnh hưởng của Đại học Cần Thơ trong giai đoạn phát triển mới. Trên cơ sở bám sát định hướng của Đảng, Nhà nước và Chiến lược phát triển Đại học Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Trường xác định các định hướng và giải pháp trọng tâm như sau:

3.1. Đẩy mạnh quốc tế hóa chương trình đào tạo

- Phát triển và nâng cao chất lượng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, tiến tới xây dựng các chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định quốc tế (AUN-QA, AQAS, ABET,...).

- Nghiên cứu xây dựng "hub" đào tạo quốc tế tại Đại học Cần Thơ để thu hút sinh viên cả nước đến học tập cùng lưu học sinh quốc tế; liên kết với các đại học hàng đầu trong nước để hình thành mạng lưới đào tạo tầm quốc gia.
- Mở rộng hợp tác với các trường đại học uy tín để xây dựng chương trình đồng cấp bằng (dual degree) hoặc công nhận tín chỉ chuyển tiếp.
- Đổi mới nội dung đào tạo theo hướng tích hợp các yếu tố quốc tế, gắn với yêu cầu chuyển đổi số, phát triển bền vững và thị trường lao động toàn cầu.

3.2. Tăng cường thu hút chuyên gia và lưu học sinh quốc tế

- Chủ động kết nối với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao và các trường đại học đối tác để mở rộng thị trường tuyển sinh quốc tế.
- Thiết lập hệ sinh thái học tập – sinh hoạt thân thiện cho sinh viên quốc tế: cải thiện cơ sở vật chất, phát triển dịch vụ hỗ trợ, đào tạo kỹ năng liên văn hóa cho cán bộ và sinh viên.
- Xây dựng chính sách học bổng, hỗ trợ tài chính và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên quốc tế học dài hạn tại Trường.
- Xây dựng các chương trình trao đổi ngắn hạn và thực tập quốc tế cho sinh viên cả nước, sử dụng hạ tầng Đại học Cần Thơ làm điểm đến.

3.3. Nâng cao năng lực hội nhập của đội ngũ

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, kỹ năng quản trị hợp tác quốc tế và năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh cho giảng viên và cán bộ quản lý.
- Khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia mạng lưới học thuật quốc tế, chương trình trao đổi giảng dạy, nghiên cứu và hội thảo khoa học.
- Xây dựng cơ chế động lực phù hợp để thu hút chuyên gia quốc tế, giảng viên thỉnh giảng và tình nguyện viên nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại Trường.
- Có chính sách đãi ngộ theo mức cạnh tranh quốc gia, kèm quỹ hỗ trợ nghiên cứu và cơ hội tham gia các dự án lớn.

3.4. Hoàn thiện thể chế và nguồn lực phục vụ hội nhập quốc tế

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến ký kết hợp tác, tiếp nhận sinh viên quốc tế, công nhận tín chỉ và cấp bằng trong các chương trình liên kết.
- củng cố tổ chức bộ máy làm công tác đối ngoại và đào tạo quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Ưu tiên bố trí nguồn lực để đầu tư cho quốc tế hóa chương trình đào tạo, phát triển học liệu song ngữ, xây dựng ngân hàng đề thi tiếng Anh và phần mềm quản lý phù hợp.

4. Kết luận

Trong những năm qua, Đại học Cần Thơ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hội nhập quốc tế, đặc biệt là trong việc tiếp nhận chuyên gia, giáo sư và lưu học sinh quốc tế. Những kết quả này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, làm phong phú môi trường học thuật đa văn hóa và từng bước khẳng định vị thế, uy tín của Nhà trường trên trường quốc tế.

Để tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hàng đầu của vùng ĐBSCL và cả nước, Đại học Cần Thơ cần đẩy mạnh chiến lược hội nhập quốc tế một cách toàn diện, thực chất và hiệu quả hơn. Trong đó, trọng tâm là:

- Chủ động thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia, giảng viên quốc tế có chất lượng cao;
- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo quốc tế, đặc biệt là các chương trình liên kết, song bằng;
- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, kiểm định chất lượng và chuyển giao tri thức;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phát triển đối ngoại, tạo nền tảng cho hội nhập linh hoạt và thích ứng nhanh.

Song song đó, Nhà trường cần quan tâm đầu tư cho **năng lực hội nhập toàn diện** của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên, bao gồm: tư duy toàn cầu, năng lực hợp tác xuyên văn hóa, khả năng ngoại ngữ và năng lực thích ứng với những thay đổi nhanh chóng trong môi trường giáo dục đại học quốc tế.

Những định hướng trên không chỉ xuất phát từ yêu cầu phát triển nội tại mà còn là **trách nhiệm chính trị** của toàn hệ thống chính trị trong Nhà trường. Do đó, đề nghị Đảng bộ Đại học Cần Thơ **tiếp tục xác định “hội nhập quốc tế trong đào tạo” là một nhiệm vụ trọng tâm trong nghị quyết nhiệm kỳ tới**, đồng thời phát huy mạnh mẽ **vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng** trong việc hoạch định chiến lược, định hướng, giám sát và đồng hành cùng các đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả, nhằm xây dựng Đại học Cần Thơ trở thành đại học nghiên cứu có tầm vóc khu vực, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển đất nước.

XÂY DỰNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ XANH VÀ THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG: NHỮNG KHUYẾN NGHỊ

Nguyễn Xuân Hoàng

Đảng bộ Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, việc xây dựng một môi trường học tập xanh, bền vững và thân thiện với thiên nhiên không chỉ là xu thế toàn cầu mà còn là trách nhiệm thiết yếu của mỗi cơ sở giáo dục. Đại học Cần Thơ (ĐHCT) – trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – cần thể hiện vai trò tiên phong trong việc lan tỏa tư duy phát triển bền vững và thân thiện môi trường. Với chủ đề lớn này, bài tham luận này tập trung vào một số khuyến nghị nhằm hướng đến xây dựng ĐHCT xanh và thân thiện môi trường. Để có được những khuyến nghị (3) sát thực tiễn và có tính khả thi, trước hết cần điểm qua về các yêu cầu cơ bản của một môi trường học thuật xanh – thân thiện môi trường (1) và thực trạng ở ĐHCT hiện nay (2).

Trong xu thế cạnh tranh và hội nhập, các khái niệm như “Green Universities” hay “Sustainable Universities” đang ngày càng phổ biến. Chúng được đánh giá thông qua nhiều tiêu chí: chất lượng không khí hay khí hậu, toà nhà, sự đồng bộ, điều phối và kế hoạch, chương trình giảng dạy, tính đa dạng và khả năng đáp ứng, năng lượng, ẩm thực và ăn uống, khuôn viên, khả năng tài chính, sự tham gia của cộng đồng, mua sắm, nghiên cứu, giao thông, chất thải, nước, phúc lợi,... được tích hợp như tiêu chí đánh giá phát triển bền vững ở môi trường đại học. Ngoài ra, Đại học xanh cũng nói đến “Tòa nhà xanh hay Không gian xanh”, “Sản phẩm và Phương pháp xanh” và “Cách thức thu hút nhân viên và sinh viên”, giúp hình thành một hệ sinh thái học thuật bền vững, từ đó định hình những giá trị cụ thể, dễ tiếp cận và triển khai.

2. Thực trạng hiện nay

- Không gian xanh trong khuôn viên trường đã được chú trọng nhưng chưa đồng đều giữa các khu vực.

Chính sách cắt giảm 5% điện và nước sử dụng trong năm qua là bước đi đúng hướng. Theo các tiếp cận “sản xuất sạch hơn” thì nếu thực hành tiết kiệm tốt thì cắt giảm trung bình có thể dao động từ 15% đến 20%. Tuy nhiên, đây là cách thực hiện mang tính “cơ học”, thiếu chủ động, đôi khi còn dừng lại ở khẩu hiệu. Trong tình hình hiện nay, quy mô xây dựng, phát triển của ĐHCT ngày càng tăng; chỉ số tiết kiệm điện nước với số tiền trả hàng tháng sẽ rất khó thuyết phục rằng mình đã có giảm tốt hay chưa.

- Công tác bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn nước chưa được quan tâm đúng mức và đồng bộ, hệ thống nước uống (tinh khiết) chưa được duy trì.

- Việc phân loại và xử lý rác thải còn hạn chế, đặc biệt là rác thải nhựa, rác thải thực phẩm. Giải pháp ký số - chuyển đổi số, e-Office trong thời gian qua là một thành quả quan trọng không chỉ giúp nhà trường cải tiến hiệu quả công việc, rút ngắn thời gian, còn giúp giảm lượng phát thải thông qua giảm giấy sử dụng, giảm di chuyển và nhiên liệu cho giao thông nội bộ,...

Về năng lượng tái tạo – tiết kiệm năng lượng: Giao thông nội bộ chủ yếu sử dụng xe máy, ít khuyến khích phương tiện xanh như xe điện, xe đạp hoặc đi bộ, đi chung thang máy – đi thang bộ, năng lượng mặt trời,... Việc tiêu thụ năng lượng chưa tối ưu, chưa phổ biến và hỗ trợ các giải pháp tiết kiệm điện hoặc sử dụng năng lượng tái tạo.

Nhìn chung, trong thời gian qua, Nhà trường đã có nhiều giải pháp và nỗ lực xây dựng tích hợp nhiều tiêu chí đánh giá đại học; trong đó cũng có Bộ tiêu chí đại học bền vững (Sustainable campus) - đóng góp cho 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Tuy nhiên, “Tiêu chí xanh và thân thiện môi trường” chưa được hình thành trong nhà trường; cần khai thác khía cạnh môi trường hay “tầm nhìn xanh” trong các chính sách và chiến lược (Ví dụ: duy trì không gian xanh tương đương giảm bao nhiêu CO₂ (bao nhiêu tấn chỉ carbon/tấn cellulose); xây dựng văn phòng điện tử, chuyển đổi số đầu chỉ tiết kiệm giấy hay tiết kiệm tiền – mà còn tiết kiệm thời gian đi lại của cán bộ trong khuôn viên (giảm phát thải, lưu thông), giảm phát thải CO₂^{td} qua giảm giấy, giảm di chuyển bằng xe xăng,...).

3. Khuyến nghị một số giải pháp

Nhà trường cần có một số chính sách và chiến lược ưu tiên nhằm xây dựng Đại học xanh, thân thiện môi trường hướng đến phát triển bền vững. Bốn nhóm giải pháp sau cần được cân nhắc và chọn lọc:

3.1. Về chủ trương, chính sách

Nhà trường cần có “Quy định thực hành Đại học xanh” và “Bộ quy tắc hướng đến Đại học xanh và bền vững” áp dụng cho toàn thể sinh viên, giảng viên, nhân viên và các bên liên quan; khuyến khích các hành động thiết thực như: khuyến khích các hoạt động đi bộ, đi xe đạp, sử dụng thang bộ, đi chung xe, sử dụng chung thang máy nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, rèn luyện và nâng cao sức khỏe. Từ đó, các mục tiêu dài hạn trong “Quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng”: Ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, các thiết kế sinh thái - sử dụng năng lượng xanh, chiếu sáng và thông gió hợp lý; Quy hoạch và lối đi bộ, trạm sạc điện (cho ô tô và mô tô), Tòa nhà xanh,... từng bước được hiện thực hóa. Nhà trường cần khuyến khích mua sắm thiết bị tiết kiệm năng lượng, hoặc hướng tới tạo ra các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, vật liệu tái chế và thân thiện môi trường; khuyến khích đặt tiêu chí đầu thầu kêu gọi các “Nhà thầu - Nhà cung ứng xanh”.

Chỉ đạo và khuyến khích Đoàn Thanh niên (sinh viên và đoàn viên), Công đoàn (viên chức – người lao động) xây dựng các chương trình và kế hoạch hành động hướng đến bảo vệ môi trường, xây dựng Đại học xanh, bền vững và thân thiện môi trường. Hơn 40 ngàn sinh viên là đối tượng tác động có ý nghĩa lên chính sách và sự thành công của kế hoạch. Nhà trường cần xây dựng cơ chế khuyến khích tư duy đổi mới, sáng tạo, sáng kiến mới trong giới trẻ hiệu quả và thiết thực hơn hướng tới các chủ đề Đại học xanh, phát triển bền vững như tiêu chí đánh giá khuyến khích trong sinh viên.

3.2. Các giải pháp kỹ thuật

Như đã đề cập ở trên, các hoạt động thực hiện giảm phát thải, thực hành tiết kiệm điện - nước, e-Office, chữ ký số,... đã được duy trì và phát triển tốt để xây dựng không gian xanh trong khuôn viên ĐHTC. Tuy nhiên, các báo cáo về hoạt động “bảo vệ môi trường và phát triển bền vững” thì chỉ là “**định tính**”. Điều cần là phải “**định lượng**” được bằng con số/giá trị cụ thể là bao nhiêu tấn khí nhà kính (CO₂^{td}) cho từng loại hình, từng đơn vị điện, nước tiết kiệm được. Từ đó cho thấy, nhu cầu cần đề án “Kiểm toán môi trường” toàn diện hoặc “Kiểm kê phát thải” hay “Sản xuất sạch hơn” trong Nhà trường là cấp thiết nhằm xác định các lĩnh vực tiêu thụ điện, nước gây phát thải nhiều nhất, từ đó có giải pháp giảm thiểu ưu tiên. Thông

qua đó, một số giải pháp ưu tiên giảm phát thải có thể rơi vào một, hai hoặc đồng thời các nội dung sau:

- Tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng xanh - hướng đến tòa nhà xanh, khuôn viên xanh.

- Bảo vệ môi trường: phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và Quy tắc 5Rs / 7Rs (tăng cường tái chế, “Nói không với nhựa dùng một lần”, giảm/không rác thải nhựa, tăng tái chế và giá trị tái chế).

- Phát triển và gìn giữ “Không gian xanh” - kết nối với giảm phát thải (CO₂ và carbon footprint): trồng và chăm sóc cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ tại các khu vực công cộng, hành lang và sân trường; khu đất ngập nước, khu bảo tồn.

Một khi viên chức – người lao động, sinh viên biết được ý nghĩa của các hành động hàng ngày: đi bộ, hạn chế đi lại bằng xe, đi xe chung, đi cùng thang máy, giữ gìn cảnh quan/cây xanh, giữ chai nhựa cho mục đích khác, sử dụng vật liệu thay thế nhựa thì chắc chắn họ sẽ tham gia tích cực hơn.

3.3. Mô hình thí điểm/điển hình

Bắt đầu với hành động bảo vệ môi trường trực quan và toàn diện, Nhà trường rất cần có một vài mô hình mẫu tiêu biểu cho Đại học xanh. Ví dụ: “MÔ HÌNH GIÁO DỤC SINH THÁI - PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG” bằng cách “Xây dựng một khu vườn sinh thái”: cung cấp sản phẩm hữu cơ, thân thiện môi trường (tươi, xanh, sạch và an toàn) - có sự tham gia của cộng đồng (doanh nghiệp) và Nhà trường (giảng viên và sinh viên) - tạo môi trường học tập trải nghiệm cho sinh viên; giảm phát thải carbon. Bên cạnh đó, Nhà trường có thể phát triển mô hình “mượn chai nước” trong khuôn viên, mô hình “refill”, mô hình “tái sử dụng-tái nạp đầy (Reuse-Refill)” bằng cách xây dựng trụ cung cấp nước sạch, mô hình tái chế khác. Ý tưởng này không chỉ gói gọn trong đại học mà còn mở rộng kêu gọi sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, thông qua đó, “ý thức bảo vệ môi trường” trở thành “hành động bảo vệ môi trường” thiết thực và hiệu quả hơn.

3.4. Truyền thông và sự kiện

Các kênh truyền thông nội bộ cần được xây dựng và phát huy để lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường, phát triển bền vững hướng đến Đại học xanh và bền vững. Nhà trường có thể tổ chức các sự kiện xanh: thi đua giảm dấu chân carbon – “carbon footprint”, tái chế pano, giảm pano nhựa/xốp – tăng cường pano điện tử; xây dựng phong trào thi đua giảm “carbon footprint” trong cán bộ và sinh viên.

4. Kết luận

Quan điểm về “Tiết kiệm điện, nước sử dụng” không có nghĩa “hy sinh nhu cầu” mà từng bước tạo nên “người dùng thông thái/thông minh” trong môi trường đại học. ĐHCT thực thi bảo vệ môi trường theo phương châm “ý thức xanh” thành “hành động xanh” và xây dựng “văn hóa xanh”. Cuối cùng, đây là “Trách nhiệm không của riêng ai” - hành trình Đại học xanh cần sự chung tay của cả Nhà trường, đối tác đồng hành, giảng viên và các bạn sinh viên.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

Trịnh Quốc Lập

Đảng bộ Khoa Ngoại ngữ

Chất lượng đội ngũ giáo viên là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả và chất lượng giáo dục đào tạo trong nhà trường, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập và sự phát triển toàn diện của người học. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực sư phạm, trong đó đáng chú ý là Quyết định số 452/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho thành phố Cần Thơ

Trong bối cảnh giáo dục đang chuyển mình mạnh mẽ trước yêu cầu đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế, Đại học Cần Thơ (CTU), với vai trò là đơn vị trọng điểm quốc gia tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đã và đang tích cực đồng hành cùng các địa phương trong công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, đặc biệt là thông qua các chương trình phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, trong đó có thành phố Cần Thơ.

Để tiếp tục phát huy vai trò tiên phong, Đại học Cần Thơ đề xuất một số định hướng chiến lược sau nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên phổ thông, thích ứng linh hoạt với yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới:

1.1. Tăng cường lồng ghép lý thuyết năng lực xã hội – cảm xúc (Social Emotional Competence) trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các cấp học

Đây là nền tảng thiết yếu giúp giáo viên không chỉ hiểu và làm chủ cảm xúc cá nhân, mà còn hình thành năng lực tương tác xã hội tích cực với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh. Việc xây dựng năng lực cảm xúc sẽ góp phần quan trọng vào việc tạo môi trường học tập thân thiện, tôn trọng sự khác biệt, lấy học sinh làm trung tâm, hướng tới sự phát triển toàn diện về trí tuệ, nhân cách và kỹ năng sống.

1.2. Tiếp tục triển khai và mở rộng mô hình Lesson Study như một phương pháp sinh hoạt chuyên môn nền tảng tại các cơ sở giáo dục phổ thông

Đây là mô hình đã chứng minh hiệu quả trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên thông qua hợp tác đồng nghiệp, cùng nhau thiết kế bài học, quan sát lớp học thực tế, phản hồi chuyên môn và cải tiến thực hành dạy học. Việc nhân rộng mô hình này sẽ giúp hình thành văn hóa học tập liên tục, góp phần nâng cao chất lượng dạy học một cách bền vững, từ thực tiễn và vì thực tiễn.

1.3. Đẩy mạnh nghiên cứu cải tiến sư phạm, đặt giáo viên vào trung tâm của quá trình đổi mới giáo dục

Đại học Cần Thơ xác định cần tăng cường vai trò của giáo viên như những nhà nghiên cứu thực hành, có khả năng chiêm nghiệm, đặt vấn đề, thử nghiệm và điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với bối cảnh lớp học cụ thể. CTU sẽ tiếp tục hỗ trợ các đề tài nghiên cứu hành động (action research) tại các trường phổ thông, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ chuyên môn, kết nối học thuật giữa giáo viên phổ thông và các giảng viên sư phạm.

1.4. Tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo thế hệ mới (Generative AI) cho đội ngũ giáo viên

Hoạt động này giúp họ hiểu và vận dụng hiệu quả các công cụ công nghệ trong thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động học, kiểm tra – đánh giá và quản lý lớp học. Quan trọng hơn, giáo viên sẽ được bồi dưỡng để sử dụng AI một cách độc lập, có tư duy phản biện, sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục trong môi trường học tập số hóa và liên tục thay đổi.

2. Phát triển năng lực tiếng Anh cho giáo viên

Trong xu thế toàn cầu hóa, việc phát triển năng lực tiếng Anh không chỉ phục vụ mục tiêu học thuật mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế, văn hóa và hội nhập quốc tế của địa phương. Trên cơ sở đó, Đại học Cần Thơ đề xuất phát triển mô hình tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai (ESL), phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, kinh tế của thành phố Cần Thơ nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Các định hướng chiến lược cụ thể bao gồm:

2.1. Phát triển tiếng Anh cộng đồng gắn với cộng đồng địa phương

Rút kinh nghiệm từ các quốc gia như Malaysia, Singapore, nơi tiếng Anh phát triển bền vững nhờ gắn với các ngành nghề thiết thực (Tang, 2020; Ag-Ahmad et al., 2025), chúng ta cần đẩy mạnh các chương trình tiếng Anh ứng dụng:

- Tổ chức các khóa học gắn với lĩnh vực có nhu cầu thực tế như du lịch, thương mại, làng nghề truyền thống.
- Thiết kế nội dung tích hợp yếu tố truyền thống, văn hóa, địa phương, kinh tế.
- Thúc đẩy hợp tác ba bên: nhà trường – doanh nghiệp – chính quyền địa phương.

2.2. Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo năm 2024

Theo Kết luận số 91-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo năm 2024, ESL – English as a Second Language là mô hình ngôn ngữ trong đó tiếng Anh được sử dụng song song với tiếng mẹ đẻ trong cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để triển khai hiệu quả mô hình ESL, năng lực chuyên môn và sự phạm tiếng Anh của đội ngũ giảng viên cần được nâng cao theo hướng linh hoạt, phân tầng và gắn liền với thực tiễn:

- Tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu về phương pháp giảng dạy tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL), giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh (EMI) và nâng cao kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh cho đội ngũ giảng viên có nền tảng ngoại ngữ tốt.
- Thiết kế các chương trình chuyển đổi (bridging programs) dành cho giảng viên các ngành có nguyện vọng giảng dạy bằng tiếng Anh, giúp họ phát triển năng lực ngôn ngữ học thuật và kỹ năng sư phạm cần thiết.
- Phát triển các mô hình tự bồi dưỡng linh hoạt, kết hợp với việc xây dựng nhóm giảng viên nòng cốt, nhằm hỗ trợ đồng nghiệp và dẫn dắt lộ trình chuyển đổi dài hạn trong toàn trường.

2.3. Đào tạo năng lực số cho giảng viên gắn với phát triển bền vững

Trong môi trường giáo dục đa phương thức, năng lực số là điều kiện tiên quyết để dạy học tiếng Anh hiệu quả (Ong et al., 2023). Định hướng phát triển bao gồm:

- Tổ chức tập huấn theo mô hình trải nghiệm – thực hành – chiêm nghiệm.
- Gắn nội dung đào tạo với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) như tài nguyên mở, công nghệ xanh, giải quyết các vấn đề về bất bình đẳng số.
- Xây dựng hệ sinh thái giáo dục số gắn kết giữa nhà trường – doanh nghiệp công nghệ – cộng đồng giáo viên.
- Khuyến khích thiết kế và sử dụng tài liệu giảng dạy đa phương thức, góp phần phát triển năng lực hiểu và sản xuất thông tin qua nhiều kênh (multiliteracies) (Lim, 2024), từ đó nâng cao chất lượng giao tiếp và tư duy học thuật bằng tiếng Anh.

2.4. Mở rộng hợp tác quốc tế và thúc đẩy nghiên cứu học thuật phục vụ chính sách ESL

Hợp tác quốc tế đóng vai trò thiết yếu trong phát triển môi trường đào tạo đa văn hóa và xây dựng chính sách ngôn ngữ hiệu quả:

- Duy trì và mở rộng mạng lưới đối tác với các trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài, đồng thời tăng cường hoạt động thỉnh giảng, hội thảo chuyên đề với sự tham gia của chuyên gia nước ngoài.
- Tổ chức các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên, cũng như xây dựng các dự án nghiên cứu liên kết quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên và người học tiếp cận xu hướng mới, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiên cứu.
- Phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ học, biên phiên dịch và đào tạo giáo viên ngoại ngữ nhằm góp phần đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, đồng thời cung cấp dữ liệu khoa học cho hoạch định chính sách ngôn ngữ tại địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Ag-Ahmad, N., Mohamed, A. T. F. S., & Majilang, D. B. (2025). Voices from ESL classrooms: Overcoming challenges and enhancing English language teacher education in Malaysia. *Studies in English Language and Education*. <https://doi.org/10.24815/siele.v12i1.39831>
- Bộ Chính trị. (2024). *Kết luận số 91-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-91-kltw-ngay-1282024-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-thuc-hien-nghi-quyet-so-29-nqtw-ngay-04112013-cua-ban-chap-10637>
- Lim, F. V. (2024). Thinking and talking about digital news in the Singapore secondary English classroom: A pilot study. *English Teaching & Learning*, 48(1), 97-116. <https://doi.org/10.1007/s42321-022-00134-5>
- Ong, E. S., Koh, W. T., & Teo, A. (2023). Code-switching in Singaporean esl classrooms: how it affects classroom discourse and student understanding. *African Journal of Emerging Issues*, 5(13), 10-24. <https://ajoeijournals.org/sys/index.php/ajoei/article/view/472>
- Tang, H. (2020). Linguistic landscaping in Singapore: multilingualism or the dominance of English and its dual identity in the local linguistic ecology? *International Journal of Multilingualism*, 17, 152-173. <https://doi.org/10.1080/14790718.2018.1467422>

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN THU NGOÀI HỌC PHÍ CHO ĐẠI HỌC CẦN THƠ: KHUYẾN NGHỊ CỦA ĐẢNG BỘ TRƯỜNG KINH TẾ

Trương Đông Lộc
Đảng bộ Trường Kinh tế

1. Giới thiệu

Đại học Cần Thơ là đại học trọng điểm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện tại, nguồn thu chủ yếu của Đại học Cần Thơ đến từ học phí và ngân sách nhà nước. Theo Báo cáo thường niên năm 2024 của Trường Đại học Cần Thơ, nguồn thu ngoài học phí và ngân sách nhà nước của Trường là 24%. Trong bối cảnh nguồn thu từ ngân sách nhà nước hạn hẹp và việc gia tăng học phí gặp một số trở ngại nhất định, việc tìm kiếm và phát triển nguồn thu ngoài học phí trở nên hết sức cần thiết đối với Nhà trường. Tham luận này đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát triển nguồn thu ngoài học phí, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

2. Một vài khuyến nghị phát triển nguồn thu ngoài học phí cho Đại học Cần Thơ

Dựa trên tình hình thực tế ở Đại học Cần Thơ và các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, một số khuyến nghị nhằm phát triển nguồn thu ngoài học phí cho Đại học Cần Thơ được đề xuất như sau:

Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ

Với lợi thế về đội ngũ các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau cùng với những chính sách lớn của Đảng và Nhà nước vừa mới ban hành, Đại học Cần Thơ nên tăng cường thiết lập các chương trình hợp tác với doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể tài trợ cho các chương trình này, từ đó tạo ra nguồn thu cho Trường. Ngoài ra, thông qua các chương trình hợp tác này, doanh nghiệp sẽ cung cấp nơi thực tập và có thể tài trợ cho các đề tài nghiên cứu của sinh viên.

Xây dựng khu kinh tế tri thức

Nhà trường có thể hợp tác với các doanh nghiệp phát triển khu kinh tế tri thức bao gồm không gian khởi nghiệp – đổi mới sáng tạo (innovation hub/incubator), không gian làm việc chung (co-working space), tổ hợp dịch vụ đào tạo kỹ năng, giải pháp công nghệ. Các doanh nghiệp này đặt văn phòng tại Trường không phải trả tiền thuê trực tiếp, nhưng phải cam kết phối hợp trong đào tạo và khoản tài trợ hàng năm cho hoạt động khoa học công nghệ và các hoạt động khác của nhà trường. Như vậy, Nhà trường có thể tiết kiệm được chi phí và khoản tiết kiệm này như là một khoản thu từ cho thuê.

Khai thác hiệu quả tài sản của Trường

Với lợi thế rất lớn về các trang thiết bị khá hiện đại đã được đầu tư từ nhiều nguồn, đặc biệt là trong dự án ODA gần đây, Đại học Cần Thơ có thể khai thác để mang lợi nguồn thu. Việc khai thác các trang thiết bị này có thể được thực hiện thông qua việc cung cấp các dịch vụ khoa học và công nghệ cho các đối tượng bên ngoài có nhu cầu. Bên cạnh đó, viên chức thuộc Đại học Cần Thơ khi sử dụng các trang thiết bị này phục vụ cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được tài trợ kinh phí từ các nguồn khác nhau cũng phải có trách nhiệm nộp các phí dịch vụ này. Để làm được việc này, Đại học Cần Thơ nên thành lập một tổ chức có tư cách pháp nhân để có thể cung cấp các chứng từ theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ. Ngoài ra, Nhà trường cũng nên có quy định xác định rõ quyền lợi và trách nhiệm của các đối tượng có liên quan để khai thác hiệu quả nhất các tài sản này.

Ngoài lợi thế về các trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư, Đại học Cần Thơ còn có lợi thế về đất đai đã được giao quyền sử dụng, trong đó có một phần diện tích đất khá lớn ngay tại trung tâm thành phố Cần Thơ (mặt tiền đường Khu I, mặt tiền đường sẽ được đưa vào sử dụng trong tương lai ở khu vực hồ Búng Xáng) chưa được khai thác một cách hiệu quả nhất để mang lại nguồn thu cho Trường. Trong điều kiện nguồn lực tài chính có hạn, Trường có thể tìm kiếm các đối tác chiến lược có thực lực để hợp tác nhằm khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên này.

Phát triển các dịch vụ phục vụ người học và viên chức

Với hơn 45.000 sinh viên và học viên cao học đang theo học tại Đại học Cần Thơ, nhu cầu về dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ khác của nhóm đối tượng này là rất lớn và đa dạng. Một bộ phận sinh viên và học viên cao học hiện nay có khả năng chi trả cho các dịch vụ lưu trú chất lượng cao. Vì vậy, Nhà trường nên xem xét đầu tư hoặc liên kết với các doanh nghiệp bên ngoài để đầu tư các khu ký túc xá chất lượng cao, vừa phục vụ nhu cầu của người học vừa tạo nguồn thu cho Nhà trường.

Hiện tại, dịch vụ ăn uống trong khuôn viên Đại học Cần Thơ khá đa dạng. Tuy nhiên, các dịch vụ này vẫn còn khá đơn điệu nên chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học cũng như viên chức trong Trường. Vì vậy, Nhà trường có thể khai thác phân khúc này để tạo nguồn thu thông qua việc kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực này.

Tận dụng lợi thế của nguồn lực cựu sinh viên

Với số lượng cựu sinh viên đông đảo và nhiều người nắm giữ những vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp cũng như các cơ quan nhà nước, Nhà trường có thể tận dụng lợi thế này để phát triển nguồn thu cho Trường. Một cách cụ thể, Nhà trường nên xây dựng các chương trình cụ thể để kêu gọi tài trợ, cùng với đó là các lợi ích mà nhà tài trợ nhận được. Các chương trình tài trợ này có thể là quỹ học bổng, nghiên cứu khoa học và phát triển cơ sở vật chất. Việc khai thác các nguồn lực tài chính từ cựu sinh viên không chỉ giúp Đại học Cần Thơ tăng cường nguồn thu mà còn tạo ra một cộng đồng đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, nâng cao giá trị của thương hiệu Đại học Cần Thơ.

Sử dụng hiệu quả các khoản chi

Bên cạnh việc phát triển các nguồn thu, việc sử dụng hiệu quả các khoản chi cũng là một vấn đề rất quan trọng trong việc tạo ra nguồn lực tài chính để phát triển Nhà trường. Để sử dụng hiệu quả nguồn thu (thông qua các khoản chi), Nhà trường nên nghiên cứu cơ chế khoán chi các khoản chi thường xuyên đến các đơn vị trong Trường. Đối với các khoản đầu tư (việc mở một ngành đào tạo mới cũng có thể xem là một dự án đầu tư), Nhà trường phải tính đến hiệu quả kinh tế. Để làm được điều này, các khoản đầu tư cần được thẩm định một cách bài bản về mặt hiệu quả.

3. Kết luận

Tóm lại, việc phát triển nguồn thu ngoài học phí có ý nghĩa kết sức quan trọng trong bối cảnh tự chủ tài chính của Đại học Cần Thơ hiện nay. Việc phát triển nguồn thu ngoài học phí giúp cho Đại học Cần Thơ có đủ nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các chiến lược như tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ, khai thác hiệu quả tài sản của Trường, phát triển các dịch vụ phục vụ người học và viên chức, tận dụng lợi thế của nguồn lực cựu sinh viên sẽ mở ra nhiều cơ hội cho Nhà trường trong việc phát triển nguồn thu trong tương lai.

TỔ CHỨC ĐOÀN VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC VÀ NÂNG CAO KỸ NĂNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Văn Pha

Chi bộ Văn phòng Đảng và Đoàn thể

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ

1. Đặt vấn đề

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán khẳng định vai trò, vị trí của thanh niên. Đảng ta khẳng định thanh niên là lực lượng xung kích, nòng cốt của cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị đáng tin cậy, là cánh tay đắc lực của Đảng, vì thế công tác thanh niên là vấn đề sống còn của Dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định thành bại của cách mạng. Quyết định 1895/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “*Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 – 2030*”, trong đó có chỉ tiêu: “*Hàng năm, phấn đấu 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm; 100% sinh viên các trường đại học, cao đẳng được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số*”. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng và định hướng giáo dục phát triển toàn diện của Việt Nam, các trường đại học ngày càng chú trọng việc trang bị cho sinh viên không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn cả bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống văn minh, các kỹ năng sống và kỹ năng hội nhập quốc tế. Nhận thức rõ nhiệm vụ này, Đại học Cần Thơ và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ luôn tiên phong xây dựng và triển khai đa dạng các hoạt động thiết thực nhằm phát triển toàn diện, giáo dục đạo đức, lối sống và nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho đoàn viên, thanh niên.

2. Thực trạng công tác giáo dục đạo đức và nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ cho sinh viên

2.1. Công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ luôn nỗ lực phát huy vai trò tiên phong, xung kích trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Với chức năng là tổ chức chính trị – xã hội của thanh niên, Đoàn trường không chỉ là cầu nối giữa sinh viên và Nhà trường mà còn là môi trường quan trọng để sinh viên rèn luyện, trưởng thành về mọi mặt, đặc biệt là đạo đức và kỹ năng sống. Trong những năm qua, Đoàn trường đã chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức nhiều hoạt động ngày càng đa dạng, thiết thực và có chiều sâu, hướng đến mục tiêu hình thành thể hệ sinh viên có lý tưởng sống, ý thức trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các phong trào tiêu biểu như “*Sinh viên 5 tốt*”, “*Thanh niên tình nguyện*”, “*Tuổi trẻ sáng tạo*”, “*Đồng hành với thanh niên*”, các hoạt động vì môi trường, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc. Ngoài ra, Đoàn trường thường xuyên tổ chức và phối hợp tổ chức, cũng như triển khai các hoạt động giáo dục chính trị – tư tưởng, giáo dục truyền thống như: Tuần lễ sinh hoạt công dân – sinh viên, sân chơi cuối tuần; Hội thi Olympic các môn Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh, kể chuyện Bác Hồ bằng tiếng Anh/Pháp; các cuộc thi về tìm hiểu pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, tuyên truyền an toàn giao thông; sinh hoạt chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh;

tổ chức các hội nghị, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề với các chủ đề xoay quanh giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống,... Đây là những hoạt động cung cấp kiến thức, kỹ năng, hình thành giá trị sống tích cực, lòng yêu nước, khơi dậy khát vọng cống hiến trong sinh viên Đại học Cần Thơ. Đặc biệt, nhằm hiện thực hóa Nghị quyết số 59-NQ/ĐU và Quy định số 80-QĐ/ĐU của Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ, Đoàn trường là lực lượng tiên phong trong việc lan tỏa các chuẩn mực đạo đức sinh viên, thúc đẩy sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Vai trò dẫn dắt của Đoàn Thanh niên còn thể hiện rõ qua việc định hướng tư tưởng, tổ chức các diễn đàn đối thoại, tạo không gian phản biện và khuyến khích sinh viên tham gia đóng góp xây dựng môi trường học tập và rèn luyện năng động, tích cực hơn.

2.2. Công tác nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho sinh viên

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng và tư duy hội nhập quốc tế trở thành yêu cầu tất yếu. Nhận thức rõ điều đó, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ đã thường xuyên tổ chức, kết nối và điều phối nhiều hoạt động giao lưu, ngoại khóa, học thuật góp phần quan trọng trong việc từng bước hình thành bản lĩnh công dân toàn cầu, phát triển năng lực ngoại ngữ, hiểu biết liên văn hóa và kỹ năng mềm phục vụ cho học tập, làm việc trong môi trường quốc tế hóa. Trong những năm gần đây, Đoàn trường đã tổ chức và phát động nhiều hoạt động nổi bật như cuộc thi tiếng Anh “*Star Awards*” – sân chơi giúp sinh viên rèn luyện năng lực ngôn ngữ và giao tiếp; cuộc thi “*Mic Vàng CTU*” rèn luyện kỹ năng thuyết trình, dẫn chương trình, phản xạ sân khấu và sử dụng ngoại ngữ; các cuộc thi về văn hóa ASEAN và Hàn Quốc,... Ngoài các chương trình giao lưu học thuật, Đoàn trường còn phối hợp tổ chức chuỗi hội thảo như “*Z Talk*”, sinh hoạt các Câu lạc bộ/Đội/Nhóm, chuỗi chương trình “*Chuyện sinh viên*” và “*Café Khoa học và Khởi nghiệp*”, nơi sinh viên không chỉ được tiếp cận xu hướng tư duy toàn cầu mà còn được bồi dưỡng kỹ năng, tư duy khởi nghiệp, sáng tạo, giao tiếp quốc tế. Đặc biệt, lễ hội sinh viên đa văn hóa “*Vietnam – ASEAN Cultural Tour 2023*” và định kỳ tổ chức Phiên chợ “*Sinh viên CTU Student Fair*” đã góp phần kết nối giữa sinh viên nhà trường với nhau và với bạn bè khu vực Đông Nam Á. Có thể khẳng định, thông qua các hoạt động thiết thực và đa dạng, Đoàn trường đã và đang góp phần xây dựng thể hệ sinh viên năng động, tự tin, có bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực hội nhập toàn cầu, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3. Giải pháp phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ trong công tác giáo dục đạo đức và nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho sinh viên

Một là, *nâng cao nhận thức của sinh viên Đại học Cần Thơ về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức và nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế*. Nhằm xây dựng thể hệ sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy toàn cầu và trách nhiệm xã hội cao, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ xác định việc nâng cao nhận thức của sinh viên là giải pháp trọng tâm trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống và hội nhập quốc tế. Các hoạt động ý nghĩa, dễ tiếp cận, khơi dậy khát vọng cống hiến cần được thường xuyên tổ chức nhằm giúp sinh viên nhận thức sâu sắc rằng tu dưỡng đạo đức không chỉ là trách nhiệm cá nhân mà còn là nền tảng cho sự phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế bền vững. Bên cạnh đó, Đoàn trường cần lồng ghép giáo dục đạo đức trong các phong trào thi đua như “*Sinh viên 5 tốt*”, “*Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng*”, kết hợp với các hoạt động ngoại khóa liên quan đến kỹ năng hội nhập quốc tế, trao đổi học thuật, từ đó giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của giáo dục đạo đức và năng lực hội nhập trong bối cảnh mới. Từ đó, mỗi sinh viên

sẽ tích cực, chủ động rèn luyện, trau dồi để trở thành công dân có trách nhiệm, có khả năng thích ứng và có những đóng góp tích cực cho xã hội.

Hai là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức, nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho sinh viên. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự biến đổi nhanh chóng của môi trường giáo dục đại học, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ cần tiếp tục phát huy vai trò định hướng giá trị và phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên thông qua những giải pháp đổi mới mang tính hệ thống và chiều sâu. Cụ thể, nội dung giáo dục đạo đức cần được cập nhật theo hướng gắn với thực tiễn đời sống sinh viên và yêu cầu của xã hội hiện đại, nâng cao các kỹ năng như: kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng thích ứng với công nghệ hiện đại, kỹ năng mềm trong môi trường quốc tế hóa, kỹ năng chuyên môn trong môi trường quốc tế hóa, kỹ năng tư duy toàn cầu, kỹ năng am hiểu văn hóa – lịch sử các dân tộc. Các phương pháp tổ chức, triển khai hoạt động cần tăng cường theo hướng tiếp cận tương tác, lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tư duy phản biện và tự rèn luyện qua trải nghiệm. Đoàn trường cần khai thác hiệu quả các nền tảng truyền thông số như video giáo dục ngắn, chuỗi podcast, diễn đàn online,... để nâng cao khả năng tiếp cận của sinh viên, nhất là trong môi trường học tập đa phương tiện. Công tác giáo dục đạo đức – lối sống và kỹ năng hội nhập quốc tế nếu được triển khai đồng bộ, sáng tạo và khoa học sẽ góp phần hình thành thế hệ sinh viên Đại học Cần Thơ vừa “hồng” vừa “chuyên”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng và đủ năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu.

Ba là, tăng cường phối hợp hiệu quả với các đơn vị trong trường thực hiện công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên. Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên là tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa Đoàn Thanh niên và các đơn vị phòng, ban chức năng của Nhà trường. Đoàn trường cần chủ động tham mưu, đề xuất và đồng hành cùng Ban Giám hiệu, phòng ban chuyên môn trong việc lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân vào các chương trình chính khóa và ngoại khóa. Sự phối hợp cần cụ thể hóa thông qua các hoạt động như tổ chức Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên, các lớp kỹ năng mềm, các chương trình tập huấn cán bộ Đoàn – Hội gắn với nội dung giáo dục đạo đức, kỷ luật, văn hóa học đường, nâng cao các kỹ năng hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế trao đổi thông tin định kỳ giữa Đoàn và Nhà trường để nắm bắt tình hình sinh viên, từ đó xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp, góp phần tạo nên môi trường học tập lành mạnh, giàu giá trị nhân văn và trách nhiệm cộng đồng.

4. Kết luận

Tóm lại, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Cần Thơ đã thể hiện trách nhiệm và vai trò tiên phong trong công tác giáo dục đạo đức, nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế cho sinh viên. Dưới sự chỉ đạo, quan tâm, tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo, công tác quốc tế thanh niên, bồi dưỡng đạo đức đã trở thành một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước mà còn góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa các giá trị cốt lõi trong triết lý giáo dục của nhà trường: *“Vì cộng đồng, toàn diện, ưu việt”*. Việc chú trọng bồi dưỡng thế hệ thanh niên *“vừa hồng, vừa chuyên”*; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh và kỹ năng hội nhập quốc tế vững vàng chính là sự đầu tư chiến lược cho tương lai, khẳng định vị thế của Đại học Cần Thơ với sứ mệnh *“Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội thịnh vượng”*.

PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CỦA VÙNG VÀ QUỐC GIA: VAI TRÒ VÀ ĐÓNG GÓP CỦA ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Ngọc Hải, Nguyễn Hiếu Trung, Huỳnh Anh Huy, Trịnh Quốc Lập

I. BỐI CẢNH

Tọa lạc tại trung tâm của Cần Thơ và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Đại học Cần Thơ (ĐHCT) qua 60 năm hình thành và phát triển, đã và đang nỗ lực không ngừng thực hiện sứ mệnh **“Đào tạo nguồn nhân lực – Nghiên cứu khoa học, Chuyển giao công nghệ và Phục vụ cộng đồng”**.

Các hoạt động và thành tựu quan trọng của Nhà trường trong suốt hành trình phát triển đã luôn được sự gắn kết, đồng hành của các cấp, các ngành, các địa phương, các đơn vị và đối tác trong nước và quốc tế. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/7/2025 chính thức chuyển Trường Đại học Cần Thơ thành Đại học Cần Thơ là dấu mốc lịch sử của Nhà trường. Đây là niềm tự hào và cũng là trọng trách lớn lao mà ĐHCT sẽ phải tiếp tục phấn đấu, phát triển và phụng sự, vì sự phát triển của thành phố Cần Thơ, ĐBSCL và đất nước.

Đối với Cần Thơ, với tiềm lực, vai trò và vị trí của mình, thành phố đã và đang được khẳng định là trung tâm động lực trong phát triển ĐBSCL. Đặc biệt, trong bối cảnh mới, không gian mới, động lực mới, tiềm năng, chiến lược và tầm nhìn mới, **“Thành phố Cần Thơ sẽ tiếp tục là trung tâm động lực, hạt nhân lan tỏa, đầu mối điều phối phát triển vùng”** – như phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm ngày 04/6/2025 tại thành phố Cần Thơ.

II. THÀNH TỰU HỢP TÁC GIỮA THÀNH PHỐ CẦN THƠ VÀ ĐẠI HỌC CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2020-2025

Hành trình phát triển của thành phố Cần Thơ và ĐHCT có sự gắn kết, hợp tác tương hỗ đặc biệt quan trọng và hiệu quả trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020-2025, ĐHCT đã đào tạo gần 19.000 sinh viên tốt nghiệp đại học, 1.600 thạc sĩ và 92 tiến sĩ cho thành phố Cần Thơ (gồm Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng trước đây). Nhà trường cũng đào tạo các bậc cho trên 30.000 cán bộ địa phương, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho trên 2.100 giáo viên, bồi dưỡng Tin học cho trên 900 người.

Trong hợp tác phát triển khoa học công nghệ, ĐHCT đã triển khai trên 90 đề tài cấp Trường, 50 đề tài cấp tỉnh và 120 chương trình, dự án hợp tác quốc tế trên địa bàn thành phố. ĐHCT đã công bố gần 800 công trình khoa học thực hiện trên địa bàn thành phố. Các nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên nhiều lĩnh vực quan trọng đã được ứng dụng triển khai hiệu quả tại thành phố Cần Thơ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, môi trường, công nghệ kỹ thuật và thông tin; cũng như kinh tế - xã hội và phát triển nông thôn.

Công tác phát triển thanh niên, sinh viên, cộng đồng, đặc biệt là phát triển hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; cũng như hợp tác trong nước và quốc tế luôn được phối hợp chặt chẽ và hiệu quả.

Thành phố Cần Thơ cũng luôn đồng hành, hợp tác, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Nhà trường.

III. NÂNG TẦM HỢP TÁC PHÁT TRIỂN GIỮA THÀNH PHỐ CẦN THƠ VÀ ĐẠI HỌC CẦN THƠ GIAI ĐOẠN MỚI

Trong bối cảnh mới và động lực mới; với vai trò, sứ mệnh và tầm nhìn mới; cũng như phương hướng và chiến lược phát triển của thành phố Cần Thơ và ĐHCT, việc nâng tầm hợp

tác và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa thành phố Cần Thơ và ĐHCT càng trở nên tất yếu và cấp thiết. Một số vấn đề và lĩnh vực hợp tác quan trọng xin được đề xuất, như sau:

(i) Đẩy mạnh hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Thành phố Cần Thơ để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố và phát huy vai trò trung tâm nhân lực chất lượng cao của vùng

- Thành phố Cần Thơ và ĐHCT phối hợp chặt chẽ để xây dựng và triển khai thành công Đề án “*Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học của thành phố Cần Thơ và Đồng bằng sông Cửu Long*” theo Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hai bên hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học, và bồi dưỡng năng lực cho **cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật các cấp và các ngành**, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ chiến lược của thành phố, như: công nghệ kỹ thuật, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, logistics, kinh tế, quản trị kinh doanh, du lịch.

- Hợp tác đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng **giáo viên sư phạm**, phục vụ đào tạo và phát triển học sinh các bậc mầm non, tiểu học, trung học; đặc biệt hướng tới triển khai hiệu quả chiến lược giáo dục ở thành phố.

- Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là **cán bộ quản lý các hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công nhân và nông dân** để phát triển hiệu quả các lĩnh vực liên quan trong bối cảnh mới của khoa học công nghệ - đổi mới sáng tạo; công nghiệp hóa – hiện đại hóa, Cách mạng Công nghiệp 4.0, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tri thức; môi trường – tài nguyên – biến đổi khí hậu; toàn cầu hóa và hội nhập; và xu hướng tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh hợp tác đào tạo và nâng cao năng lực và kỹ năng **ngoại ngữ và năng lực số** cho cán bộ **lãnh đạo, công chức, viên chức và cộng đồng** đáp ứng yêu cầu mới trong bối cảnh mới.

- Tiếp tục hợp tác lập kế hoạch, tuyển chọn, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ **tại các trường đại học quốc tế** cho ứng viên các lĩnh vực trọng yếu, nhất là công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và công nghệ tiên phong để trở về làm việc, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho thành phố.

(ii) Đẩy mạnh hợp tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 của kinh tế tri thức, tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững

- Thành phố Cần Thơ và ĐHCT hợp tác chặt chẽ, cụ thể hóa và triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tiếp tục hợp tác phát triển nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ các lĩnh vực tiềm năng và thế mạnh của tỉnh / thành phố như nông nghiệp thủy sản công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và đồng thời đẩy nhanh phát triển các lĩnh vực công nghệ mới nổi, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ tiên phong.

- Thành phố Cần Thơ ưu tiên đặt hàng thường niên cho ĐHCT thực hiện các chương trình và dự án tích hợp, các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển khoa học công nghệ nói chung và các trụ cột kinh tế xã hội của địa phương.

- Hai bên thúc đẩy kết nối và phát triển hiệu quả các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong thành phố, quốc gia và quốc tế.

- Hợp tác và phát triển hiệu quả công tác chuyển đổi số trong các lĩnh vực; đặc biệt là hỗ trợ hiệu quả công tác phát triển chính quyền số, quản lý phát triển các ngành, nhất là giáo dục, tiến tới xã hội số, công dân số.

- Đẩy mạnh kết nối, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa hiệu quả các sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tế đời sống, sản xuất, kinh doanh.

- Hai bên tăng cường phối hợp, đẩy mạnh các hoạt động nhằm nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) của thành phố Cần Thơ.

(iii) Đẩy mạnh hợp tác hỗ trợ thúc đẩy phát triển các thành phần và lĩnh vực kinh tế làm động lực cho phát triển kinh tế xã hội của thành phố

- Thành phố Cần Thơ và ĐHCCT hợp tác chặt chẽ trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Hai bên cùng phối hợp thành lập mạng lưới kết nối và hợp tác các bên: Địa phương – Viện, Trường – Doanh nghiệp để triển khai các hoạt động hợp tác.

- Các lĩnh vực trọng tâm trong hợp tác gồm: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp, nhất là các khu công nghiệp; thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; phát triển thị trường khoa học công nghệ, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ chính sách phát triển; xây dựng và khai thác hiệu quả quỹ khoa học công nghệ; phát triển các vườn ươm và doanh nghiệp khởi nguồn.

(iv) Đẩy mạnh hợp tác trong kết nối và hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa

- Thành phố Cần Thơ và ĐHCCT phối hợp thực hiện tốt Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Phát huy các tiềm lực, hỗ trợ kết nối và thúc đẩy hợp tác với các địa phương, cơ quan ngoại giao, doanh nghiệp, viện trường, tổ chức quốc tế.

- Hợp tác chặt chẽ xây dựng và triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu và phát triển quốc tế trên địa bàn thành phố và ĐBSCL.

- Hợp tác đẩy mạnh ngoại giao, giao lưu nhân dân; kêu gọi xúc tiến đầu tư nước ngoài cũng như hỗ trợ các hoạt động sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực trọng tâm và chiến lược của thành phố; phối hợp xây dựng đề án và tổ chức các sự kiện quốc tế mang thương hiệu thành phố Cần Thơ.

IV. HƯỚNG TỚI TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với những nỗ lực chung và hợp tác chặt chẽ và hiệu quả giữa thành phố Cần Thơ và ĐHCCT, chúng ta tin tưởng rằng ĐHCCT sẽ phát triển mạnh mẽ, xứng tầm Đại học vùng, là “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học của thành phố Cần Thơ và Đồng bằng sông Cửu Long”; hướng tới tầm nhìn “là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững”; đồng thời phát huy vai trò, sứ mệnh của mình, đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển của thành phố Cần Thơ, để “Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hoá sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hoá, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, như mục tiêu của Nghị quyết 59-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (05/8/2020) về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

